**Ngày soạn : 02/10/2024**

**Ngày dạy: 07,09/10/2024 (7D)**

**BÀI 2. THƠ BỐN CHỮ, NĂM CHỮ**

**Tiết 17,18: ĐỌC HIỂU VĂN BẢN (1)**

**MẸ**

***– Đỗ Trung Lai –***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Đọc hiểu văn bản: Mẹ (Đỗ Trung Lai) - Hoc24 |  |  |  |

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

***1 Về kiến thức:***

- Vài nét chung về nhà thơ Đỗ Trung Lai.

- Một số yếu tố hình thức (về vần, nhịp, dòng và khổ thơ), nội dung (đề tài, chủ đề, cảm xúc, ý nghĩa,…) của bài thơ bốn chữ.

- Nội dung bài thơ : thể hiện sự vất vả của người mẹ, tình yêu thương chân thành của người con dành cho mẹ và sự đau đớn, buồn tủi khi quỹ thời gian của mẹ không còn nhiều, dường như ngày con xa mẹ đang đến gần.

- Đặc điểm, tác dụng của biện pháp tu từ ẩn dụ.

***2 Về năng lực:***

- Nhận biết và phân tích được đặc điểm của thể thơ bốn chữ thể hiện trong bài *“Mẹ”- Đỗ Trung Lai.*

- Chỉ ra được kết cấu bài thơ;

- Nhận biết và thông hiểu được tác dụng của biện pháp tu từ ẩn dụ trong bài thơ;

- Cảm nhận được những đặc sắc về nội dung, nghệ thuật của bài thơ *Mẹ*;

- Cảm nhận được tình cảm yêu thương, trân trọng mẹ mà nhà thơ gửi gắm;

- Thấm thía tình yêu thương cha mẹ dành cho chúng ta.

***3 Về phẩm chất:***

- Yêu thương, biết ơn, trân trọng và hiếu thảo với cha mẹ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

- Tranh ảnh về nhà thơ Đỗ Trung Lai và văn bản “*Mẹ*”.

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | | | **Hoạt động của HS** | **Sản phẩm mong đợi(Dự kiến)** |
| **HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG:5’**  **1. Mục tiêu:** HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học, có hứng thú tiếp thu bài mới.  - Phương pháp tích cực: Nêu vấn đề  - Kĩ thuật: Động não, tia chớp.  **2. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **3. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.  **4. Tổ chức thực hiện:** | | | | |
| - Cho HS xem video <https://www.youtube.com/watch?v=83kRs1BrzSc>  ? Video nói về nội dung gì? Em có cảm nhận gì về video đó?  ? Hãy tưởng tượng khi mẹ em đã già, hãy miêu tả lại hình ảnh đó và nêu cảm xúc của em? | | | | |
| ***+ Giao nhiệm vụ****:* Suy nghĩ trả lời  ***+ Yêu cầu HS báo cáo kết quả.*** | | | +***Thực hiện nhiệm vụ.***  Làm việc cá nhân | - HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học.  - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới. |
| ***+ GV nhận xét, dẫn dắt, giới thiệu bài mới:***  Đố ai đếm được lá rừngĐố ai đếm được mấy từng trời caoĐố ai đếm được vì saoĐố ai đếm được công lao mẹ thầy.  *Câu ca dao ấy đã thể hiện được những vất vả, hi sinh, được công ơn lớn hơn trời bể của mẹ. Thời gian cứ chảy trôi, người mẹ của chúng ta mỗi ngày càng già đi. Nhà thơ Đỗ Trung Lai đã khắc họa rất thành công hình ảnh người mẹ lúc về già và qua đó thể hiện tình cảm của người con dành cho mẹ. Trong tiết học hôm nay, cô và cả lớp sẽ cùng tìm hiểu bài thơ “Mẹ” để trân quý những phút giây được ở bên cạnh cha mẹ của mình.* | | | | |
| **HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ KIẾN THỨC: 93’**  ***1.Mục tiêu:*** Nhận biết được một số đặc điểm hình thức của thơ bốn chữ, 5 chữ ( số tiếng/dòng, ngắt nhịp, gieo vần, từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ…) và những suy nghĩ, tình cảm, cảm xúc của người viết qua bài thơ “Mẹ”  ***- Phương pháp***: Hợp tác; Khám phá; Đàm thoại gợi mở…  ***- Kĩ thuật***: Động não, tia chớp, bức tường,khăn trải bàn…  ***2. Nội dung***: Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu về truyện ngắn và tiểu thuyết qua: hình thức và nội dung của VB… Làm việc cá nhân, thảo luận nhóm để hoàn thành phiếu học tập.  ***3. Sản phẩm của HS:*** Câu trả lời cá nhân, phiếu học tập đã hoàn thiện của các nhóm.  ***4. Tổ chức thực hiện:*** | | | | |
| ***a. Giao nhiệm vụ: Thảo luận nhóm10’***  Phát PHT số 1  Câu hỏi gợi ý:   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | Thơ 4 chữ | Thơ 5 chữ | | Số tiếng/dòng |  |  | | Ngắt nhịp |  |  | | Gieo vần |  |  |   *1. Đặc điểm thơ 4 chữ, 5 chữ*  *2. Trải nghiệm trong cuộc sống và việc đọc hiểu thơ*  ***c. Yêu cầu HS báo cáo kết quả.***  GV mời một số HS lên chia sẻ trước lớp**.**  ***d. GV nhận xét, chốt kiến thức*** Nhận xét, góp ý và khen ngợi HS về sự tự tin khi trình bày. | | | ***b.Thực hiện nhiệm vụ:***- H thảo luận nhóm, hoàn thành nội dung của câu hỏi  - Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  -Nghe, lưu sản phẩm. | **I. KIẾN THỨC NGỮ VĂN**  1. Đặc điểm thơ 4 chữ, 5 chữ  2. Trải nghiệm trong cuộc sống và việc đọc hiểu thơ   * **Sử dụng PHT số 1:** |
| **Sản phẩm mong đợi(Dự kiến): PHT số 1**   |  |  | | --- | --- | | **TÌM HIỂU KIẾN THỨC NGỮ VĂN** | | | Đơn vị kiến thức | Nội dung | | Đặc điểm thơ 4 chữ, 5 chữ | |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Thơ 4 chữ** | **Thơ 5 chữ** | | **Số tiếng/dòng** | bốn chữ (tiếng). | năm chữ (tiếng). | | **Ngắt nhịp** | 2/2 hoặc 1/3 | 3/2 hoặc 2/3 thậm chí 1/4 hoặc 4/1 | | **Gieo vần** | vần lưng, chân, liền, cách, hỗn hợp… | | | | Trải nghiệm trong cuộc sống và việc đọc hiểu thơ | Cùng đọc một bài thơ nhưng mỗi người đọc có thể có những cách hiểu và sự cảm nhận khác nhau. Sở dĩ như vậy vì việc hiểu văn bản còn phụ thuộc vào trình độ, hoàn cảnh và đặc biệt là những gì người đọc đã trực tiếp chứng kiến, đã làm và trải qua,... | | | | | |
| **B. KHÁM PHÁ VĂN BẢN** | | | | |
| ***a. Giao nhiệm vụ:***  - HD H đọc rõ ràng, rành mạch, nhấn giọng ở những chi tiết, những bptt trong bài . Chú ý lời nói của các nhân vật(G đọc mẫu -> Gọi 2-3 H đọc)  - Chú thích SGK: Tr.  ***Thảo luận nhóm 10’***  KT: Khăn trải bàn - Phát PHT số 2 Câu hỏi gợi ý:   |  |  | | --- | --- | | **Tác giả** | **Tác phẩm** | |  |  |   (1)Tác giả?  (2)VB(HCST;Cấu trúc VB?)  ***c. Yêu cầu HS báo cáo kết quả.***  ***d.GV nhận xét, chốt kiến thức*** | | | ***b.Thực hiện nhiệm vụ:***  - H đọc VB  - Đọc chú thích  - H thảo luận , hoàn thành câu hỏi PHT    - Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  -Nghe, lưu sản phẩm. | **II. TRI THỨC ĐỌC HIỂU**   * **Sử dụng PHT số 2**   **1. Đọc – giải thích từ khó**  **2. Tác giả, tác phẩm**  *\* HCST+xuất xứ.*  *\* Cấu trúc VB* |
| ***Sản phẩm mong đợi(Dự kiến): PHT số 2***   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **VB: TÔI ĐI HỌC – THANH TỊNH** | | | | **Tác giả** | **Tác phẩm** | | | **HCST** | **Cấu trúc** | | - Đỗ Trung Lai (1950)  - Quê quán: Phùng Xá, Mỹ Đức, Hà Tây cũ (nay Hà Nội).  - Có nhiều tài năng: làm thơ, vẽ tranh, viết báo…  - Phong cách sáng tác: giọng thơ trữ tình đằm thắm nhưng gửi gắm nhiều tâm sự, triết lý nhẹ nhàng, tự nhiên.  - Các tác phẩm tiêu biểu:  + *Đêm sông Cầu (thơ, 1990)*  + *Anh em và những người khác (thơ, 1990)*  + *Đắng chát và ngọt ngào (thơ, in chung, 1991)*  + *Thơ và tranh (1998)*  *+ Người chơi đàn nguyệt ở Hàng Châu (truyện và ký, 2000)* | **\*Xuất xứ**: Trích “Đêm sông Cầu”,  NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2003 | - ***Thể thơ***: 4 chữ.  + Mỗi câu gồm 4 tiếng, số câu trong bài không hạn định. Các khổ, đoạn trong bài được chia linh hoạt, tùy theo nội dung và cảm xúc.  + Gieo vần chân: chữ cuối cùng của câu hai vần với chữ cuối cùng của câu bốn trong mỗi khổ.  + Các câu thơ được ngắt nhịp 2/2 hoặc 1/3  - ***PTBĐ***: Biểu cảm  - ***Bố cục***:2 phần  + P1: Hình ảnh người mẹ (3 khổ đầu)  + P2: Tình cảm của người con dành cho mẹ. (2 khổ cuối)  - Bài thơ là lời của người con thể hiện tình yêu thương dành cho mẹ khi nhận ra sự già đi của người mẹ theo năm tháng. | | | | | |
| ***a. Giao nhiệm vụ:***  GV yêu cầu HS đọc văn bản  ***Thảo luận nhóm 10’: Qua PHT***  Chia 4 nhóm -> giao nhiệm vụ:  ? Để làm nổi bật hình ảnh “mẹ” về hình dáng và hành động, tác giả đã sử dụng các từ ngữ, các biện pháp tu từ nào?  ? Qua đó, hình ảnh người mẹ được hiện lên như thế nào?   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Người mẹ** | **Cây cau** | | Từ ngữ |  |  | | **Nhận xét** |  |  | | **Nghệ thuật** | | | | **Nhận xét chung** | | |   ***Chuyển giao nhiệm vụ:***  Chia 4 nhóm, thảo luận:  Sử dụng KT khăn trải bàn      ***c. Yêu cầu HS báo cáo kết quả.***  ***d. GV nhận xét, chốt kiến thức*** | | | ***b.Thực hiện nhiệm vụ:***  - Giáo viên quan sát, gợi ý  - H thảo luận nhóm, hoàn thành PHT  H trao đổi thống nhất ý kiến cả nhóm.  - Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  -Nghe, lưu sản phẩm. | **III. KHÁM PHÁ VĂN BẢN**  **1. Hình ảnh người mẹ**   * **Sử dụng PHT số 3** |
| ***Sản phẩm mong đợi(Dự kiến): PHT số 3***   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Hình dáng của mẹ** | | | |  | **Người mẹ** | **Cây cau** | | **Từ ngữ** | Lưng còng | Thân thẳng | | Đầu bạc trắng | Ngọn xanh rờn | | Ngày một thấp | Ngày càng cao | | Gần đất | Gần trời | | **Nhận xét** | ***🡺 Mẹ ngày một già yếu, già nua.*** | ***🡺 Cau tràn đầy sức sống.*** | | **Nghệ thuật:**  - Sử dụng thành công các BPTT: so sánh, ẩn dụ, tương phản đối lập | | | | **Nhận xét chung:**  **=> Con ngày càng khôn lớn, trưởng thành còn mẹ ngày càng nhỏ bé, già nua và già đi .** | | | | | | | |
| **\*Hành động của mẹ**  + Khi con còn bé bổ cau làm tư.  + Hiện tại: cau bổ tám mẹ còn ngại to.  🡺**Tác giả mượn hình ảnh nhai trầu quen thuộc để khắc họa hình người mẹ. Miếng trầu bổ nhỏ gợi ra tuổi già móm mém của mẹ.** | | | | |
| ***GV****: Lời thơ ngỡ như lời nhận xét thông thường những đằng sau mỗi con chữ là bao xót xa khi nhận ra thời gian, nỗi vất vả cuộc đời đã hằn lên lưng còng, trên mái đầu bạc trắng của mẹ. Không cần nhiều lời chỉ qua hai hình ảnh lưng còng và mái đầu bạc trắng của mẹ mà gợi ra bao cảm nhận về công lao của mẹ, sự nhọc nhằn, đắng cay trong cuộc đời mẹ cho con khôn lớn, trưởng thành. Người con thảng thốt nhận ra quỹ thời gian của mẹ không còn nhiều, không tránh khỏi quy luật cuộc đời và ngày con xa mẹ đang đến gần, chúng ta cùng tìm hiểu tình cảm của người con dành cho mẹ.* | | | | |
| ***a. Giao nhiệm vụ:***  GV yêu cầu HS đọc văn bản  ***Thảo luận nhóm đôi 3’:***  ? Tình cảm, cảm xúc của người con được thể hiện qua các từ ngữ, các biện pháp tu từ nào?  ? Qua đó, người con đã thể hiện tình cảm, cảm xúc gì với mẹ của mình?  ***Chuyển giao nhiệm vụ:***  Chia 4 nhóm, thảo luận:  Sử dụng KT khăn trải bàn      ***c. Yêu cầu HS báo cáo kết quả.***  ***d. GV nhận xét, chốt kiến thức*** | ***b.Thực hiện nhiệm vụ:***  - Giáo viên quan sát, gợi ý  - H thảo luận nhóm, hoàn thành PHT  H trao đổi thống nhất ý kiến cả nhóm.  - Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  -Nghe, lưu sản phẩm. | | | **III. KHÁM PHÁ VĂN BẢN**  **2. Tình cảm, cảm xúc của người con**   * **Sử dụng PHT số 3** |
| ***Sản phẩm mong đợi(Dự kiến):***  -***Tình cảm của người con:***   * + ​Nâng: sự trân trọng, nâng niu miếng trầu - hình ảnh tượng trưng cho mẹ.   + Cầm: tình cảm dồn nén, chứa đựng bao xót xa, tình cảm của con dành cho mẹ   => ***Người con thấu hiểu những khó nhọc, cay đắng của đời mẹ, trân trọng những hi sinh mẹ đã dành cho con nhưng không khỏi đau đớn trước những vất vả của mẹ.***  - Với sự xót xa, con tự vấn trời đất cũng là tự vấn bản thân mình: Sao mẹ ta già?  ***=> Câu hỏi tu từ thể hiện sự vô vọng, sự bất lực của người con không thể níu kéo thời gian chậm lại, níu kéo mẹ ở lại mãi mãi bên con. "Mây bay về xa" như mái tóc mẹ hòa vào mây trắng. Lời thơ mở ra dư âm nghẹn ngào, nỗi xúc động rưng rưng.*** | | | | |
| ***a. Giao nhiệm vụ:Thảo luận cặp đôi 5’***  *?Khái quát đặc sắc nội dung và nghệ thuật của văn bản?*  ***c. Yêu cầu HS báo cáo kết quả.***  - HS khái quát nội dung. nghệ thuật của văn bản  - GV: Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm.  ***d. GV nhận xét, chốt kiến thức***  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm. | ***b.Thực hiện nhiệm vụ:***  - H thảo luận cặp đôi  - H thảo luận nhóm, hoàn thành câu hỏi  - Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  -Nghe, lưu sản phẩm. | **III. TỔNG KẾT**  **1. Nghệ thuật**  - Thể thơ bốn chữ.  - Lời thơ giản dị, tự nhiên.  - Sử dụng linh hoạt các biện pháp tu từ  - Hình ảnh thơ gần gũi.  **2. Nội dung**  Bài thơ mượn hình ảnh cây cau quen thuộc để khắc họa mẹ. Qua đó, bài thơ thể hiện sự vất vả của cuộc đời mẹ, tình yêu thương chân thành của con dành cho mẹ và sự đau đớn, buồn tủi khi quỹ thời gian của mẹ không còn nhiều, dường như ngày con xa mẹ đang đến gần  **3.** **Ý nghĩa**  - Tình yêu thương bao la của cha mẹ dành cho ta thể hiện từ những điều bình dị, giản đơn nhất ;  - Mỗi chúng ta cần biết yêu thương, trân trọng, biết ơn và hiếu thảo với cha mẹ của mình. | | |
| **HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP: 12’**  **1. Mục tiêu:** HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập giáo viên giao.  - Phương pháp: Trò chơi  - Kĩ thuật: Động não, tia chớp...  **2. Nội dung:** HS làm việc cá nhân trả lời các câu hỏi về bài học qua trò chơi “ *Bắt bướm*”.  **3. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh…  **4. Tổ chức thực hiện:** | | | | |
| GV phổ biến luật chơi: *Bắt bướm*  - GV đọc lần lượt các câu hỏi trắc nghiệm về bài học. Ở mỗi câu hỏi, sau khi GV đọc xong câu hỏi, HS sẽ có 05s để viết câu trả lời ra giấy và giơ lên cao.  - HS đứng lên, giơ đáp án (viết ra giấy) để trả lời câu hỏi trong thời gian 05 s. Trả lời sai sẽ phải ngồi xuống, không được trả lời câu hỏi tiếp theo; trả lời đúng sẽ đứng để trả lời câu hỏi tiếp.  =>Kết thúc 10 câu hỏi, những HS còn chưa bị loại sẽ giành chiến thắng. | | | | |
| ***a.Giao nhiệm vụ:***  \* Nhiệm vụ: Suy nghĩ nhanh 5s để trả lời các câu hỏi  \* Thực hiện các yêu cầu của trò chơi  ***c. HS báo cáo kết quả(trình bày).***  ***d. Nhận xét, đánh giá: GV nhận xét, cho điểm.*** | ***b.Thực hiện nhiệm vụ.***  - HS suy nghĩ trả lời các câu hỏi GV đưa ra  - Tham gia trò chơi.  - Nghe, lưu sản phẩm. | | | **III. LUYỆN TẬP**  - Tổ chức cho H chơi trò chơi: *Bắt bướm*  - Sau 10 câu hỏi H nào còn chưa bị loại là HS đó chiến thắng  - G tổng kết, trao phần thưởng cho H thắng cuộc |
| **Sản phẩm mong đợi(Dự kiến):**  **BỘ CÂU HỎI**  **Câu 1.** Bài thơ “Mẹ” mượn hình ảnh loài cây nào để khắc họa hình ảnh người mẹ?  A. Cây tre B. Cây vú sữa **C. Cây cau** D. Cây bầu  **Câu 2.** “Bài thơ Mẹ là lời của ai?  **A. Người con** B. Người mẹ C. Người cháu D. Người bà  **Câu 3.** Bài thơ “Mẹ” viết về điều gì?  **A. Viết về mẹ và sự già đi của mẹ theo năm tháng**  B. Viết về những năm tháng tần tảo của người bà  C. Viết về những tháng ngày gian khó của người bà chăm sóc cháu  D. Viết về người mẹ phải để lại đứa con cho họ hàng đi tha phương cầu thực  **Câu 4.** Giá trị nội dung của tác phẩm là gì?  A. Khắc họa hình ảnh mẹ trong sự đối sánh với hình ảnh cau  B. Bộc lộ tình cảm yêu thương, xót xa, ngậm ngùi của người con  C. Cảm xúc của người con khi đối diện với tuổi già của mẹ  **D. Tất cả những đáp án trên**  **Câu 5.** Dòng 18 dùng để hỏi hay bộc lộ cảm xúc? A.  Bộc lộ cảm xúc chứ không phải để hỏi B. Nghệ thuật - câu hỏi tu từ  C. Bộc lộ cảm xúc và sự yêu thương với mẹ  D. Cả 3 đáp án sai | | | | |
| **HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG: 08’( có thể làm ở nhà)**  ***1. Mục tiêu:*** HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế.  **- Phương pháp:** Hợp tác(HĐ nhóm)  **- Kĩ thuật:** Khăn trải bàn, tai chớp, bức tường...  ***2. Nội dung:*** HS làm việc cá nhân, đưa ra suy nghĩ của bản thân về một vấn đề GV đặt ra.  ***3. Sản phẩm học tập:*** Câu trả lời của HS.  ***4. Tổ chức thực hiện:*** | | | | |
| GV đưa ra nhiệm vụ:  **Bài 1:** Nêu cảm nghĩ của cá nhân em khi nghĩ về mẹ. Chia sẻ những câu thơ, câu hát hay về mẹ.  **Bài 2:**Quan sát người thân trong gia đình của mình qua năm tháng, em thấy họ có những thay đổi như thế nào? Em có cảm xúc gì khi nhận ra những thay đổi ấy? | | | | |
| a.***Giao nhiệm vụ: Thảo luận 3’***  - Cả lớp về nhà làm (dự án)  ***c. Yêu cầu HS báo cáo kết quả.***  ***d. GV nhận xét, đánh giá.*** | ***b. Thực hiện nhiệm vụ.***  H trả lời các câu hỏi  Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ.  -Lưu sản phẩm. | | | ***Sản phẩm mong đợi(Dự kiến): Bên dưới*** |
| Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà:2’.  1. Đọc kĩ phần câu hỏi để nắm được các đơn vị kiến thức sẽ được học.  2. Đọc kĩ VB và trả lời các câu hỏi ở phần sau.  3. Soạn bài : *Ông đồ* | | | | |

**Tuần 5**

**🙞🙜🙝🙟🙞🕮🙜🙝🙟🙞🙜**

**Ngày soạn : 10/10/2024**

**Ngày dạy: 14,15/10/2024**

**BÀI 2. THƠ BỐN CHỮ, NĂM CHỮ**

**Tiết 19, 20: ĐỌC HIỂU VĂN BẢN (2)**

**ÔNG ĐỒ**

**\_Vũ Đình Liên\_**

|  |  |
| --- | --- |
|  | **ap_20091011061527191** |

**I. MỤC TIÊU**

***1. Về năng lực***

***\* Năng lực chung***

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm.

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà. - Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động tạo lập văn bản.

***\* Năng lực đặc thù***

- Nhận biết được tác phẩm thơ lãng mạn.

- Đọc diễn cảm tác phẩm thơ hiện đại viết theo bút pháp lãng mạn .

- Phân tích được những chi tiết nghệ thuật tiêu biểu trong tác phẩm.

***2. Về phẩm chất:***Giáo dục lòng yêu những di sản văn hoá của dân tộc.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Máy chiếu, máy tính, bảng phụ và phiếu học tập.

- Tranh ảnh về nhà văn Vũ Đình Liên và văn bản “Ông Đồ”.

- Các phiếu học tập (Phụ lục đi kèm).

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HĐ 1: Xác định vấn đề**

**a. Mục tiêu**: HS xác định được nội dung chính của văn bản đọc – hiểu từ phần khởi động.

**b. Nội dung**:

**GV** sử dụng KT đặt câu hỏi để hỏi HS, sau đó kết nối với nội dung của văn bản đọc – hiểu. **HS** quan sát video, suy nghĩ cá nhân, kết nối tri thức trong video với tri thức trong thực tiễn với nội dung bài học

**c. Sản phẩm:** Cảm nhận của học sinh và lời chuyển dẫn của giáo viên.

**d. Tổ chức thực hiện**: Quan sát video về phong tục chơi chữ ngày Tết



**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:**  **HS** quan sát video, lắng nghe lời trong video và suy nghĩ cá nhân để trả lời câu hỏi của **GV** hướng dẫn HS quan sát video, có thể tạm dừng video để HS quan sát.

**B3: Báo cáo, thảo luận:**

**GV:** chỉ định HS trả lời câu hỏi.

**HS:** trả lời câu hỏi của GV.

**B4: Kết luận, nhận định (GV):**

- Nhận xét câu trả lời của HS cũng như ý kiến nhận xét của các em.

- Kết nối vào nội dung đọc – hiểu văn bản.

*Các em thân mến! Dòng thời gian tuy vô hình song cũng thật mạnh mẽ, dữ dội. Cả một thành trì văn hóa phong kiến khoa bảng hàng mười mấy thế kỉ cũng bị vết rày xéo của bọn thực dân làm cho mai một. Song chính hoàn cảnh đó lại là nguồn cảm hứng để những thi nhân gửi gắm nỗi niềm tâm sự của mình. Nhờ vậy mà ngày nay, cô trò chúng ta có dịp ngồi lại để thưởng thức những tác phẩm văn học đó. Có một tác phẩm được trình làng cách đây hàng 80 năm rồi nhưng đến khi đọc lại, chúng ta vẫn thấy nỗi niềm đau đáu và tâm sự nhớ về quá khứ vàng son của mình. Bài thơ mang tên “ Ông đồ” của cố thi sĩ Vũ Đình Liên phần nào giúp chúng ta ngược dòng thời gian trở về quá khứ.*

**2. HĐ 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **I. TRI THỨC ĐỌC HIỂU** | | | | | | |
| **Mục tiêu**:  - Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà. - Nhận biết được tác phẩm thơ lãng mạn.  - Đọc diễn cảm tác phẩm thơ hiện đại viết theo bút pháp lãng mạn .  **Nội dung**:  - **GV** sử dụng KT sơ đồ tư duy để khai thác phần tìm hiểu chung.  - **HS** dựa vào sơ đồ tư duy đã chuẩn bị ở nhà để hoàn thành nhiệm vụ nhóm. | | | | | | |
| **Tổ chức thực hiện** | | | **Sản phẩm** | | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm cặp đôi.  - Các cặp đôi trao đổi sản phẩm đã chuẩn bị cho nhau để cùng nhau trao đổi về sơ đồ tư duy đã chuẩn bị từ ở nhà, có thể chỉnh sửa nếu cần thiết.  **Description: C:\Users\Administrator\Downloads\Hãy nhớ lại những mô-típ batik thông dụng mà bạn học trong lớp. Bạn cũng có thể tìm những mô-típ batik khác trên mạng. Sử dụng những hình dạng đó để tạo bảng vẽ ngang trong ô bên dưới. Đồng thời, hãy vẽ (1).png**  Phiếu học tập số 1  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát phiếu học tập của bạn, cùng nhau chia sẻ, trao đổi và thống nhất ý kiến.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - GV yêu cầu 1 vài cặp đôi báo cáo sản phẩm.  - HS đại điện cặp đôi trình bày sản phẩm. Các cặp đôi còn lại theo dõi, nhận xét và ghi chép kết quả thảo luận của các cặp đôi báo cáo.  **B4: Kết luận, nhận định**  **HS:** Những cặp đôi không báo cáo sẽ làm nhiệm vụ nhận xét, bổ sung cho cặp đôi báo cáo (nếu cần).  **GV**:  - Nhận xét thái độ làm việc và sp của các cặp đôi.  - Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau  **2. Tác phẩm**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  a. Đọc  - Hướng dẫn đọc nhanh.  + Đọc giọng to, rõ ràng và lưu loát.  + Thể hiện rõ được tâm trạng và nỗi niềm hoài cổ của nhà thơ.  2 khổ đầu: giọng vui tươi, phấn chấn.  3 khổ tiếp: chậm rãi, trầm buồn, sâu lắng, thiết tha...  - Hướng dẫn cách đọc chậm (đọc theo thẻ).  + Đọc thẻ trước, viết dự đoán ra giấy.  + Đọc văn bản và đối chiếu với sản phẩm dự đoán.  - Cho học sinh thực hành đọc văn bản theo hướng dẫn.  b. Yêu cầu HS tiếp tục quan sát phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà và trả lời các câu hỏi còn lại:  ? Nêu hoàn cảnh sáng tác và xuất xứ của bài thơ  ? Bài thơ được tác giả viết theo thể thơ nào?  ? Nêu các PTBĐ của bài thơ? Đâu là PTBĐ chính?  ? Có thể chia bài thơ này ra làm mấy phần? Nêu nội dung của từng phần?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV:**1. Hướng dẫn HS cách đọc  2. Theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần).  **HS:**  1. Đọc văn bản, các em khác theo dõi, quan sát bạn đọc.  2. Xem lại nội dung phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV:** Yêu cầu HS trả lời, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần).  **HS:**  - Trả lời các câu hỏi của GV.  - HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ học tập qua sự chuẩn bị của HS bằng việc trả lời các câu hỏi.  - Chốt kiến thức, cung cấp thêm thông tin (nếu cần) và chuyển dẫn sang đề mục sau. | | | **1. Tác giả**    - Vũ Đình Liên ( 1913 -1996). - Quê gốc Hải Dương nhưng sống ở Hà Nội.  - Là một trong những nhà thơ lớp đầu tiên của phong trào Thơ mới.  - Ông là nhà thơ, nhà dịch thuật, nhà giáo.  - Thơ ông nặng lòng thương người và niềm hoài cổ  - Một số tác phẩm tiêu biểu: *Ông đồ, Lòng ta là những thành quách cũ, Lũy tre xanh,…*  **2. Tác phẩm**  **a) Đọc và giải nghĩa từ**  - Đọc - Giải nghĩa từ:  + ***Ông Đồ:*** Người dạy học chữ nho xưa. Nhà nho nếu không đỗ đạt làm quan, thường làm nghề dạy học, gọi là ông Đồ hoặc thầy đồ.  ***+ Mực tàu***: Thỏi mực đen, mài với nước làm mực để viết chữ Hán hoặc chữ nho.  ***+ Nghiên:*** Dụng cụ làm bằng chất liệu cứng, có lòng trũng để mài mực tàu.  **b) Tìm hiểu chung**  - **Hoàn cảnh sáng tác**: Khổ 1 viết năm 1935, mùa xuân năm 1936 mới hoàn thành nốt 4 khổ còn lại.  - **Xuất xứ**: In trên tạp chí “Tinh Hoa”.  - **Thể thơ**: Ngũ ngôn (5 chữ)  - **PTBĐ:** Biểu cảm ( Tự sự, miêu tả)  - **Bố cục**: 3 phần  + Phần 1 (K1,2) : Hình ảnh ông đồ thời đắc ý  + Phần 2 (K3,4): Hình ảnh ông đồ thời tàn lụi  + Phần 3 (K5): Nỗi lòng của nhà thơ. | | | |
| **Sản phẩm tổng hợp:** | | | | | | |
| **II. KHÁM PHÁ VĂN BẢN** | | | | | | |
| **1. Hình ảnh ông Đồ thời đắc ý ( khổ 1+2)** | | | | | | |
| **Mục tiêu**: Giúp HS phân tích và nắm được nội dung, nghệ thuật đặc sắc, ý nghĩa của đoạn thơ, từ đó thấy được một nét đẹp văn hóa của dân tộc và yêu những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta.  **Nội dung**:  **GV** đặt câu hỏi để tìm hiểu nội dung đoạn thơ  **HS:** Suy nghĩ và làm việc cá nhân để trả lời câu hỏi của giáo viên. | | | | | | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** | | | | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **1. Hình ảnh ông Đồ thời đắc ý Ông đồ xuất hiện trong bối cảnh nào (thời gian, không gian)? Hình ảnh ông đồ hiện lên ntn (công việc, tài năng)? Để làm nổi bật hình ảnh ông đồ, tác giả sử dụng những biện pháp nghệ thuật gì?** | | | | | **Bối cảnh xuất hiện** | | **Hình ảnh ông đồ** | | | **Thời gian** | **Không gian** | **Công việc** | **Tài năng** | |  |  |  |  | | **N.xét:** | | **N.xét:** | |   **. Phiếu học tập số 2**  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS:** Đọc hai khổ thơ và suy nghĩ thảo luận theo nhóm bàn để TLCH  **GV:** Hướng dẫn HS tìm hiểu bằng cách đặt các câu hỏi phụ (nếu HS không trả lời được). ? Ông đồ xuất hiện trong bối cảnh nào (Thời gian, không gian)?  ? Em có nhận xét gì về bối cảnh đó?  ? Hỉnh ảnh ông đồ hiện lên ntn? Câu thơ nào miêu tả công việc và tài năng của ông?  ? Để làm nổi bật hình ảnh và tài năng của ông đồ, tác giả sử dụng biện pháp nghệ thuật nào?  **B3: Báo cáo thảo luận**  **GV:** Yêu cầu nhóm trưởng trình bày kết quả thảo luận  **HS:** Trả lời câu hỏi của GV, những HS còn lại theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét câu trả lời và câu nhận xét của HS  - Chốt nội dung (sản phẩm).  - Chuyển dẫn sang nội dung sau. | | | | | **a. Bối cảnh xuất hiện** | |
| **DỰ KIẾN SẢN PHẨM**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Bối cảnh xuất hiện** | | **Hình ảnh ông đồ** | | | **Thời gian** | **Không gian** | **Công việc** | **Tài năng** | | Dịp tết đến xuân về ( hoa đào nở) | bên hè phố đông người qua lại. | + Viết câu đố (bày mực tàu giấy đỏ)  => phong tục ngày tết ở nước ta xưa.  **+ NT:** Cặp từ “ mỗi…lại…” cùng hình ảnh sóng đôi “ hoa đào” – “ ông đồ”=> cho thấy bước chuyển động cuat thời gian. Ông đồ xuất hiện không chỉ một năm mà hàng năm như một quy luật tuần hoàn của thời gian, không gian và con người | + Nét chữ đẹp, phóng khoáng, bay bổng, sinh động.  (như phượng múa rồng bay.)  + Thái độ của mọi người: Mọi người quí trọng, mến mộ tài năng của ông đồ.  **+ NT:** Hoán dụ (hoa tay), so sánh (như…), thành ngữ (phượng múa rồng bay)  => làm nổi bật tài hoa, cốt cách của ông đồ. | | ***=> Ông đồ xuất hiện vào mỗi dịp tết đến xuân về*** | | ***=> Ông đồ có tài, được mọi người trọng vọng, là trung tâm của sự chú ý, là đối tượng của sự ngưỡng mộ.*** | | | | | | | | |
| ***GV:*** *Theo phong tục, khi tết đến, người ta thường sắm câu đối họăc đôi chữ nho viết trên giấy đỏ hoặc lụa đỏ để dán trên vách, trên cột nhà, vừa để trang hoàng nhà cửa thêm đẹp, vừa để gửi gắm lời chúc tốt lành. Khi đó, người ta phải tìm đến ông đồ (người hay chữ). Ông đồ tài hoa và cốt cách là trung tâm của không gian ngày Tết. Đó là sự hòa hợp của các yếu tố thiên thời, địa lợi (thiên nhiên đẹp đẽ, ấm áp, không khí vui tươi với những bông hoa đào nở,...) và bên cạnh đó là sự hòa hợp của con người - nhân hòa (người thuê viết chữ ông rất đông). Hình ảnh của ông đồ xuất hiện trong ngày Tết là một nét phong tục tao nhã, một nét đẹp văn hóa của dân tộc. Qua hai khổ thơ đầu, chúng ta không chỉ thấy được sự trân trọng của mọi người mà còn thấy được tấm lòng trân trọng của nhà thơ đối với ông đồ cũng như đối với nét đẹp văn hóa dân tộc.*  *Nhưng đến những năm đầu TK20, nền Hán học (chữ nho) dần mất vị thế quan trọng khi chế độ thi cử PK bị bãi bỏ (Khoa thi cuối cùng vào năm 1915), một thành trì văn hóa cũ sụp đổ. Các nhà nho từ chỗ là nhân vật trung tâm trong đời sống VH tinh thần của dân tộc được XH tôn vinh bỗng chốc bước lạc hướng thời đại, bị bỏ quên và cuối cùng vắng bóng. Trẻ con không đi học chữ nho nữa mà học chữ Pháp, Nhật, quốc ngữ. Cuộc sống tây hóa khiến người ta không còn vui sắm câu đối chơi tết nữa. Ông đồ vắng bóng và biến mất trên đường phố ngày tết và trong tâm trí của mọi người. Và hình ảnh ông đồ được phác họa ntn, chúng ta chuyển sang khổ 3,4.* | | | | | | |
| **2. Hình ảnh ông đồ thời tàn lụi** | | | | | | |
| **Mục tiêu**: Hình dung rõ hình ảnh ông đồ thời tàn cùng thái độ của nhà thơ trước thực tại.  **Nội dung**:  **GV** sử dụng KT khăn phủ bàn để tìm hiểu về hình ảnh ông đồ thời tàn lụi.  **HS** làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành phiếu học tập và trình bày sản phẩm. | | | | | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm lớp: 4 nhóm = 4 câu hỏi  - Giao nhiệm vụ: hoàn thiện phiếu học tập số 3 bằng cách trả lời các câu hỏi 1, 2, 3,4.  - Thời gian: 7 phút   |  |  | | --- | --- | | **1.Tìm những chi tiết, hình ảnh cho thấy sự giống và khác nhau trong hai thời điểm ông đồ xuất hiện.** | | | **Giống** | | |  | | | **Ông đồ thời đắc ý** | **Ông đồ thời tàn lụi** | |  |  | | ***2. Trong hai câu thơ: “ Giấy đỏ buồn không thắm/ Mực đọng trong nghiên sầu” “ Lá vàng rơi trên giấy Ngoài trời mưa bụi bay”, tác giả sử dụng biện pháp nghệ thuật gì? Giá trị biểu đạt của biện pháp nghệ thuật đó?*** | | | ***3. Cảm nhận về hình ảnh ông đồ trong hai khổ thơ 3,4?*** | | | ***4. Sự đối lập của hình ảnh ông đồ ở 4 khổ thơ đầu đã phản ánh điều gì trong đời sống văn hoá của dân tộc?*** | |   ***Dự kiến tình huống khó khăn***: HS gặp khó khăn trong câu hỏi số 2.  **Tháo gỡ**: (GV gợi ý HS bằng cách hướng dẫn các em phát hiện biện pháp NT nhân hóa, từ đó hiểu được nỗi buồn của con người,…  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** - Quan sát những chi tiết trong SGK (GV đã chiếu trên màn hình).  - Đọc các khổ thơ 1,2,3,4  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:- Yêu cầu HS trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS:**- Đại diện một nhóm trình bày sản phẩm.  - HS còn lại theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét câu trả lời của HS.  - Chốt kiến thức, bình giảng và chuyển dẫn sang mục sau. | | | |  | | |
| **DỰ KIẾN SẢN PHẨM**   |  |  | | --- | --- | | **Điểm giống và khác nhau ở hai khổ thơ sau với hai khổ thơ đầu** | | | **Ông đồ thời đắc ý** | **Ông đồ thời tàn lụi** | | - Thời gian: tết đến xuân về  - Ông đồ vẫn ngồi bên hè phố cùng mực tàu, giấy đỏ | | | - Bao nhiêu người thuê viết,  - Tấm tắc ngợi khen tài | - Người thuê viết nay đâu.  - Qua đường không ai hay (Thờ ơ, dửng dưng, không ai để ý đến sự có mặt của ông, quay lưng lại với một nét đẹp văn hóa. | | 2. ***Tác giả đã nhân hoá “giấy đỏ - buồn, nghiên – sầu”. Trời đất, đồ vật dường như cũng ảm đạm, buồn bã cùng với ông đồ. Nỗi buồn tủi của ông đồ như thấm vào những vật vô tri, vô giác.*** | | | 3. Ông đồ trở nên trơ trọi lạc lõng, tội nghiệp giữa dòng đời trôi chảy. **- Hình ảnh đầy xót xa, thương cảm của một lớp người tài hoa đang bị lãng quên, đang tàn tạ trước sự thay đổi của thời cuộc.**  4. Đó chính là sự thay đổi trong đời sống văn hoá của người VN: Con người đã lạnh lùng từ chối một giá trị, một nét đẹp văn hoá cổ truyền của dân tộc. | | | | | | | | |
| ***G****V: Giờ đây ông đồ trở nên trơ trọi lạc lõng, tội nghiệp giữa dòng đời trôi chảy, ông ngồi trong mưa bụi bay và lá vàng rơi trên giấy. Ông ngồi đấy lặng lẽ mà trong lòng ông là một tấn bi kịch, là sự sụp đổ hoàn toàn. Ông đồ ở 2 khổ thơ sau là ông đồ một thời tàn, bị bỏ rơi vào sự vô tình, lãng quên của mọi người. Hình ảnh đầy xót xa, thương cảm của một lớp người tài hoa đang bị lãng quên, đang tàn tạ trước sự thay đổi của thời cuộc. Con người đã lạnh lùng từ chối một giá trị, một nét đẹp văn hoá cổ truyền của dân tộc. Hình ảnh ông đồ chính là “ di tích tiều tụy, đáng thương của một thời tàn” - nói như lời của tác giả. Và nhà thơ Tú Xương cũng đã phản ánh sự suy tàn của chữ nho:*  *“ Nào có hay gì cái chữ nho*  *Ông nghè, ông cống cũng nằm co…”* | | | | | | |
| **3. Nỗi lòng của nhà thơ** | | | | | | |
| **Mục tiêu**: HS hiểu được tình cảm, thái độ của nhà thơ đối với lớp nhà nho xưa, cảm xúc nuối tiếc một nét đẹp văn hóa dân tộc.  **Nội dung**: **GV** sử dụng KT đặt câu hỏi, KT thảo luận cặp đôi để HS tìm hiểu về nỗi lòng của tác giả  **HS** làm việc cá nhân, thảo luận cặp đôi để hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo sản phẩm. | | | | | | |
| **Tổ chức thực hiện** | | | | | | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  1. Trong hai câu thơ đầu, tác giả sử dụng biện pháp NT gì? Tác dụng?  2. Câu hỏi tu từ cuối bài thể hiện tâm tư gì của nhà thơ? Qua đó, em hiểu nhà thơ là người ntn?  3. Trao đổi và chia sẻ để trả lời các câu hỏi.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**: đọc ngữ liệu trong SGK (khổ 3), suy nghĩ cá nhân để trả lời câu hỏi, trao đổi cặp đôi.  **GV**: giải thích, bình thêm.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV:**- Yêu cầu HS trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS**- Gọi HS trải lời câu hỏi  - Các hs khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ làm việc, ý kiến nhận xét và sản phẩm của HS.  - Chốt kiến thức lên màn hình, chuyển dẫn sang nội dung sau | | | | | |  |
| **DỰ KIẾN SẢN PHẨM**  **+ 2 câu đầu:**  - Sử dụng NT: phép đối: thấy >< không thấy.  - Kết cấu đầu cuối tương ứng  ( Hình ảnh hoa đào) chặt chẽ làm nổi bật chủ đề: “Cảnh cũ người đâu”.  => **Sự thất thế, tàn tạ đáng buồn của ông đồ. Hình ảnh ông đồ đã trở thành dĩ vãng, vắng bóng trong cuộc sống hiện đại.**  **+ 2 câu cuối:** Là một câu hỏi tu từ, một lời tự vấn của nhà thơ. Câu thơ chứa đầy cảm xúc và mang ý nghĩa khái quát. Từ hình ảnh ông đồ ngồi viết câu đối mỗi độ xuân về, nhà thơ đã nói đến cả một lớp “người muôn năm cũ”- những nhà Nho xưa.  => Câu hỏi đã toát lên niềm thương cảm chân thành cho những nhà Nho danh giá một thời nay bị lãng quên do thời cuộc thay đổi.  - Thương tiếc những giá trị tinh thần tốt đẹp của dân tộc ta nay bị tàn tạ, lãng quên.  **=> Đó chính là tinh thần dân tộc, lòng yêu nước kín đáo của nhà thơ.**  **- Ông muốn nhắn nhủ thế hệ trẻ: hãy giữ gìn và phát huy nét đẹp văn hóa của dân tộc.**   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Hình ảnh ông đồ thời đắc ý** | **Hình ảnh ông đồ thời tàn** | | **Khung cảnh** | Bức bức tranh xuân tươi tắn, rộn rã | Bức tranh xuân tàn lụi, ảm đạm, mưa bụi, lá vàng… | | **Hình ảnh**  **ông đồ** | Ông đồ là hình ảnh *trung tâm*, tài năng được mến mộ | Ông đồ *đáng thương, cô độc,* lạc lõng, bị mọi người quên lãng. | | **Tình cảm của tác giả** | -Trân trọng, ngợi ca ông đồ  - Trân trọng chữ nho, thú chơi chữ  – nét đẹp văn hoá của dân tộc. | -Xót thương cho một lớp người.  -Luyến tiếc khi nhìn thấy nét đẹp văn hóa của dân tộc bị phôi pha. |   **=> Sự tương phản làm nổi bật sự thăng trầm của số phận ông đồ, sự phai nhạt một nét đẹp văn hóa**  **=> Thể hiện cảm hứng thương người và hoài cổ của Vũ Đình Liên.** | | | | | | |
| **GV: Tổng hợp lại kiến thức:** | | | | | | |
| Description: small_nvn_1239239828    **Nỗi ngậm ngùi, xót thương, hoài niệm**    **III. TỔNG KẾT** | | | | | | |
| **Mục tiêu**: Khái quát được nội dung, nghệ thuật của bài thơ  **Nội dung**:  - GV sử dụng KT chia sẻ nhóm đôi để khái quát giá trị nghệ thuật và nội dung của văn bản…  - HS làm việc cá nhân, thảo luận nhóm và báo cáo sản phẩm | | | | | | |
| **Tổ chức thực hiện** | | **Sản phẩm** | | | | |
| **B1 Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm theo bàn.  - Giao nhiệm vụ cho các nhóm:  ? Nêu những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản?  ? Nội dung chính của văn bản “Ông đồ”?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.  **GV** hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS** báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần).  **GV** hướng dẫn và yêu cầu HS trình bày, nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm.  - Nhận xét và chốt sản phẩm lên Slide | | **1. Nghệ thuật:**  - Thể thơ ngũ ngôn được sử dụng, khai thác có hiệu quả. Giọng điệu chủ yếu của bài là ngậm ngùi, trầm lắng.  - Kết cấu tương phản, có hình ảnh đầu cuối lặp lại.  - Ngôn ngữ thơ trong sáng, giản dị mà giàu sức gợi. Sử dụng hiệu quả các biện pháp tu từ.  **2. Nội dung:**  - Tình cảnh thất thế, tàn tạ đáng thương của ông đồ.  - Niềm thương cảm của tác giả trước một lớp người đang tàn tạ và nỗi nhớ tiếc cảnh cũ người xưa.  **3. Ý nghĩa:**  Khắc họa hình ảnh ông đồ, nhà thơ thể hiện nỗi tiếc nuối cho những giá trị văn hóa cổ truyền của dân tộc đang bị tàn phai. | | | | |

**3. HĐ 3: Luyện tập (16’)**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học để chơi trò chơi ô chữ.

**b) Nội dung:** HS hoạt động cá nhân => trả lời các câu hỏi trong trò chơi.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS

? Hoàn thiện ô chữ trong trò chơi

1.Ô chữ có 11 chữ cái. Đây là một trong những nguồn cảm hứng lớn trong thơ Vũ Đình Liên.

2.Ô chữ có 6 chữ cái. Đây là tín hiệu mùa xuân đồng hiện với hình ảnh ông đồ trong khổ thơ thứ nhất.

3.Ô chữ có 9 chữ cái. Thủ pháp nghệ thuật nổi bật được sử dụng trong bài thơ?

dụng trong bài thơ *Ông đồ.*

Ô chữ có 6 chữ cái. Điền vào phần chấm của câu văn:

*Hình ảnh ông đồ dần biến mất sau làn ………*

Ô chữ có 6 chữ cái. Đây là thú chơi tao nhã của ông cha dịp Tết đến xuân về.

Ô chữ có 8 chữ cái. Điền vào phần chấm của hai câu thơ sau: *Năm nay đào lại nở, / Không thấy ………*

Từ chìa khóa: Ô chữ có 7 chữ cái. Một trong hai cảm hứng chính trong thơ Vũ Đình Liên?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ GV:** Chiếu trò chơi

**HS:** Chọn câu hỏi và trả lời – Tìm ra chữ chìa hóa: **HOÀI CỔ**

**4. HĐ 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ. **c) Sản phẩm: Đoạn văn thuyết trình của hs d) Tổ chức thực hiện** **B1: Chuyển giao nhiệm vụ** **(GV)** \* Tích hợp kiến thức môn Mỹ thuật, lĩnh vực văn hóa.

? Trưng bày một số bức tranh về chữ Nho và phong tục viết chữ Nho của dân tộc (ở chùa đầu xuân) Học sinh nêu cảm nhận về nét văn hóa truyền thống xưa. ? Các em làm gì để giữ gìn, phát huy những nét đẹp văn hóa của dân tộc?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ GV** gợi ý cho HS bằng việc bám sát văn bản và qua quan sát, tìm hiểu của cá nhân.

**HS:** suy nghĩ cá nhân và viết đoạn văn. **B3: Báo cáo, thảo luận GV** hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm trên zalo nhóm hoặc trên Padlet **HS** nộp sản phẩm cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn. **B4: Kết luận, nhận định (GV)** - Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có) trên zalo nhóm lớp/môn…

\* **Dặn dò**:

- Về học kĩ nội dung của bài học và đọc

- Chuẩn bị trước bài ***“Thực hành tiếng Việt”***

**Ngày soạn: 15/10/2024**

**Ngày dạy: 15/10/2024 (7D)**

**BÀI 2. THƠ BỐN CHỮ, NĂM CHỮ**

**Tiết 21: Thực hành tiếng Việt**

**Biện pháp tu từ**

**A. MỤC TIÊU BÀI DẠY**

***1. Năng lực***

- Nhận biết và phân tích được tác dụng của một số biện pháp tu từ: đối lập, so sánh, câu hỏi tu từ,…

- Vận dụng được các biện pháp tu từ vào trong khi nói và viết.

*a.Năng lực chung:*

***-****Năng lực tự chủ và tự học*: sự tự tin và tinh thần lạc quan trong học tập và đời sống, khả năng suy ngẫm về bản thân, tự nhận thức, tự học và tự điều chỉnh để hoàn thiện bản thân.

-*Năng lực giao tiếp và hợp tác*: thảo luận, lập luận, phản hồi, đánh giá về các vấn đề trong học tập và đời sống; phát triển khả năng làm việc nhóm, làm tăng hiệu quả hợp tác.

*-Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo*: biết đánh giá vấn đề, tình huống dưới những góc nhìn khác nhau.

***b.*** *Năng lực đặc thù:*

***-*** *Năng lực ngôn ngữ(Đọc, viết, nói & nghe)* Biết vận dụng kiến thức cơ bản từ việc đọc hiểu cùng với những trải nghiệm và khả năng suy luận của bản thân để hiểu văn bản;Trình bày dễ hiểu các ý tưởng ; có thái độ tự tin khi nói; kể lại mạch lạc câu chuyện; biết chia sẻ ý tưởng khi thảo luận ý kiến về bài học.Viết được các đoạn văn, bài văn với những phương thức biểu đạt khác nhau.

*- Năng lực văn học(thẩm mỹ)*: Trình bày được cảm nhận và tác động của tác phẩm đối với bản thân. Vận dụng suy nghĩ và hành động hướng thiện. Biết sống tốt đẹp hơn.

***2. Phẩm chất chủ yếu:***

- Chăm chỉ: HS có ý thức tìm hiểu, vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống. Chủ động trong mọi hoàn cảnh, biến thách thức thành cơ hội để vươn lên. Luôn có ý thức học hỏi không ngừng để đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế, trở thành công dân toàn cầu.

-Trách nhiệm: hành động có trách nhiệm với chính mình, có trách nhiệm với đất nước, dân tộc để sống hòa hợp với môi trường.

**B. CHUẨN BỊ**

**1.GV:** SGK, GA WORD, PHT…

**2**. **HS**: Soan bài theo hướng dẫn SGK

**3. PP &KTDH:**

- PP: Thuyết trình, hợp tác, nhóm, trò chơi…

- KT: Đặt câu hỏi; Đọc hợp tác(đọc tích cực), KWL; Mảnh ghép...

**C. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề**

1. **Mục tiêu**: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.
2. **Nội dung**: GV tổ chức thi kể tên các biện pháp tu từ tiếng Việt, cho ví dụ minh họa.
3. **Sản phẩm:** Tên các biện pháp tu từ và ví dụ.
4. **Tổ chức thực hiện**:

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

**\* Trò chơi tiếp sức:** Lớp chia thành 2 đội. Trong 5 phút: kể tên các biện pháp tu từ tiếng Việt, cho ví dụ minh họa. Kể tên biện pháp tu từ đúng được 5 điểm, nêu ví dụ đúng được 10 điểm. Đội nào nhiều điểm hơn sẽ giành chiến thắng.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:**

HS chuẩn bị kiến thức về các biện pháp tu từ để tham gia trò chơi.

**B3: Báo cáo, thảo luận:**

Hs tham gia cuộc thi do GV điều hành.

**B4: Kết luận, nhận định (GV):**

Nhận xét phần thi của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **I. Khái niệm một số biện pháp tu từ** | | |
| **a) Mục tiêu**: Nhắc lại khái niệm về một số biện pháp tu từ.  **b) Nội dung**: Trò chơi Những mảnh ghép hoàn hảo. Nhóm đôi.  **c) Sản phẩm**: Câu trả lời của HS  **d) Tổ chức thực hiện** | | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu HS ghép thông tin 2 cột để có khái niệm đúng về các biện pháp tu từ.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV** hướng dẫn HS đọc và ghép cột.  **HS** hoạt động nhóm đôi.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **Chọn 1 cặp đôi lên trình bày.**  **B4. Kết luận, nhận định (GV)**  - HS nhận xét lẫn nhau.  - GV Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức lên màn hình. |  | |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Biện pháp tu từ** |  | **Khái niệm** | | ***1. So sánh*** |  | A. Gọi hoặc tả con vật, cây cối, đồ vật,… bằng những từ ngữ vốn được dùng để gọi, tả con người. | | ***2. Nhân hóa*** |  | B. Sử dụng từ ngữ đối lập, trái ngược nhau. | | ***3. Điệp ngữ*** |  | C. Gọi tên sự vật, hiện tượng, khái niệm này bằng tên sự vật, hiện tượng khái niệm khác có nét tương đồng với nó. | | ***4. Đối lập (tương phản)*** |  | D. Đối chiếu sự vật, hiện tượng này với sự vật, hiện tượng khác có nét tương đồng. | | ***5. Ẩn dụ*** |  | E. Lặp lại từ ngữ hay câu nhằm làm nổi bật ý, gây cảm xúc mạnh. | | 1-D; 2-A; 3-E; 4-B; 5-C | | | | | |
| **3. Hoạt động 3: Luyện tập (Thực hành)** | | |
| **II. Nêu tác dụng của biện pháp tu từ** | | | |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS  - Nhận biết các biện pháp tu từ.  - Nêu tác dụng của biện pháp tu từ trong các câu thơ, đoạn thơ.  **b) Nội dung**:  - GV sử dụng Kỹ thuật mảnh ghép cho HS thảo luận.  - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thiện nhiệm vụ.  - HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **c) Sản phẩm:** Phiếu học tập của HS đã hoàn thành, câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện** | | | |
| **HĐ của thầy và trò** | | **Sản phẩm dự kiến** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  ***\* Vòng chuyên gia (8 phút: 4p cá nhân, 4p thảo luận nhóm)***  - Chia lớp ra làm 4 nhóm (Dãy A: Nhóm 1A, 2A; Dãy B: Nhóm 1B, 2B):  **-** Yêu cầu các em ở mỗi nhóm đánh số 1,2-1,2-…  - Phát phiếu học tập cho cá nhân (Đủ tất cả các câu hỏi của 2 vòng thảo luận).  **Câu hỏi thảo luận vòng chuyên gia: Tìm và nêu tác dụng của biện pháp tu từ (tác dụng diễn đạt, tác dụng biểu thị nội dung, tác dụng thể hiện tình cảm của tác giả)?**   |  |  | | --- | --- | | Bài 1. (Biện pháp đối lập)  *Lưng mẹ còng rồi*  *Cau thì vẫn thẳng Cau-ngọn xanh rờn Mẹ-đầu bạc trắng  Cau ngày càng cao Mẹ ngày một thấp Cau gần với giời Mẹ thì gần đất!*  Bài 2. (Biện pháp so sánh)  *Một miếng cau khô Khô gầy như mẹ Con nâng trên tay Không cầm được lệ* | Bài 3. (Câu hỏi tu từ)  *Ngẩng hỏi giời vậy - Sao mẹ ta già? Không một lời đáp Mây bay về xa.*  Bài 4. (Câu hỏi tu từ)  *Năm nay đào lại nở Không thấy ông đồ xưa Những người muôn năm cũ Hồn ở đâu bây giờ?* |   **Nhóm 1A, 1B: Bài 1,2.**  **Nhóm 2A, 2B: Bài 3,4.**  ***\* Vòng chia sẻ (7 phút)***  **-** Tạo nhóm mới trong từng dãy A, B (các em số 1 tạo thành nhóm I mới, số 2 tạo thành nhóm II mới) & giao nhiệm vụ mới:  - 4p: Chia sẻ kết quả thảo luận ở vòng chuyên gia?  - 3p: Hoàn thành câu hỏi nhận xét chung:  ***Nhận xét chung về tác dụng của các biện pháp tu từ?***  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**: Làm việc theo các bước hướng dẫn ở trên.  **GV** theo dõi, hỗ trợ cho HS (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu đại diện của một nhóm lên trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS:**  **- Đại diện 1 nhóm lên bày sản phẩm:**  **+ Cách thức: mỗi nhóm trình bày 1 nội dung. Gv hỗ trợ: Chụp ảnh nội dung thảo luận của nhóm, chiếu trên màn hình.**  **- Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.**  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS.  - Chốt kiến thức & chuyển dẫn sang phần tổng kết. | | **1. Bài 1**  - Biện pháp đối lập:  + Lưng mẹ còng – cau vẫn thẳng.  + Cau xanh rờn – Đầu mẹ bạc trắng.  + Cau càng cao – Mẹ càng thấp.  + Cau gần trời – Mẹ gần đất.  - Tác dụng:  + Làm cho lời thơ hay, sinh động hơn.  + Nhấn mạnh: Dấu vết thời gian trên dáng hình của mẹ.  + Thể hiện tình cảm của nhà thơ: yêu mẹ, thương mẹ ngày càng già yếu.  **2. Bài 2**  - Biện pháp so sánh:  + Miếng cau khô gầy như mẹ.  - Tác dụng:  + Làm cho lời thơ hay, sinh động hơn.  + Nhấn mạnh sự gầy gò, già yếu của mẹ.  + Thể hiện tình cảm của nhà thơ: xót xa trước sự già nua của mẹ.  **3. Bài 3**  - Câu hỏi tu từ:  + *Sao mẹ ta già?*  - Tác dụng:  + Làm cho lời thơ hay, sinh động hơn.  + Khẳng định tuổi già của mẹ.  + Thể hiện tình cảm của nhà thơ: thương mẹ tuổi cao, sức yếu.  **4. Bài 4**  - Câu hỏi tu từ:  + *Hồn ở đâu bây giờ?*  - Tác dụng:  + Làm cho lời thơ hay, sinh động hơn.  + Thể hiện tình cảm của nhà thơ: tiếc nuối một lớp người, một nét đẹp văn hóa dân tộc đã bị phai tàn.  \* ***Nhận xét đặc điểm chung về tác dụng của các biện pháp tu từ:***  - Tác dụng với sự diễn đạt: Lời thơ hay và giàu sức biểu cảm hơn.  - Tác dụng biểu thị nội dung: Nhấn mạnh nội dung được thể hiện.  - Tác dụng thể hiện tình cảm của tác giả. | |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học vào thực tế cuộc sống.

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Sản phẩm của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao nhiệm vụ)

Bài tập: Nêu tác dụng của biện pháp tu từ trong 3 đoạn thơ mà em thích (Ngoài các đoạn thơ đã làm trong sgk).

- Nộp sản phẩm bằng giấy kiểm tra hoặc trên phần mềm Padlet.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**GV** hướng dẫn HS xác nhiệm vụ.

**HS** đọc, xác định yêu cầu của bài tập và lên ý tưởng cho bài thơ.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

**GV** hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm.

**HS** nộp sản phẩm cho GV theo hướng dẫn.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có).

**Dặn dò**

- Về nhà học bài

- Tìm thêm các cặp từ trái nghĩa, các biện pháp tu từ trong các văn bản đã học (nếu có), trong đời sống, sách báo….

- Chuẩn bị bài: Thực hành đọc, hiểu: Tiếng gà trưa

**Ngày soạn: 10/10/2024**

**Ngày dạy: 15/10/2024**

**20/10/2024 (dạy bù)**

**Tiết 22 +23:**

**BÀI 2. THƠ BỐN CHỮ, NĂM CHỮ**

**THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU:**

**TIẾNG GÀ TRƯA**

***– Xuân Quỳnh –***

****

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

***1. Kiến thức:***

- Có những hiểu biết cơ bản về tác giả Xuân Quỳnh.

- Cơ sở của lòng yêu nước, sức mạnh của người cuộc sống trong cuộc kháng chiến chống Mĩ: những kỉ niệm tuổi thơ trong sáng, sâu nặng tình nghĩa.

- Nhận biết, phân tích được nghệ thuật sử dụng điệp từ, điệp ngữ điệp câu trong bài thơ.

- Đọc- hiểu, phân tích văn bản thơ trữ tình sử dụng các yếu tố tự sự.

- Phân tích các yếu tố biểu cảm trong bài.

***2. Năng lực***

*a.Năng lực chung:*

***-****Năng lực tự chủ và tự học*: sự tự tin và tinh thần lạc quan trong học tập và đời sống, khả năng suy ngẫm về bản thân, tự nhận thức, tự học và tự điều chỉnh để hoàn thiện bản thân.

-*Năng lực giao tiếp và hợp tác*: thảo luận, lập luận, phản hồi, đánh giá về các vấn đề trong học tập và đời sống; phát triển khả năng làm việc nhóm, làm tăng hiệu quả hợp tác.

*-Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo*: biết đánh giá vấn đề, tình huống dưới những góc nhìn khác nhau.

***b.*** *Năng lực đặc thù:*

***-*** *Năng lực ngôn ngữ(Đọc, viết, nói & nghe)* Biết vận dụng kiến thức cơ bản từ việc đọc hiểu cùng với những trải nghiệm và khả năng suy luận của bản thân để hiểu văn bản;Trình bày dễ hiểu các ý tưởng ; có thái độ tự tin khi nói; kể lại mạch lạc câu chuyện; biết chia sẻ ý tưởng khi thảo luận ý kiến về bài học.Viết được các đoạn văn, bài văn với những phương thức biểu đạt khác nhau.

*- Năng lực văn học(thẩm mỹ)*: Trình bày được cảm nhận và tác động của tác phẩm đối với bản thân. Vận dụng suy nghĩ và hành động hướng thiện. Biết sống tốt đẹp hơn.

***3.Phẩm chất chủ yếu:***

- *Chăm chỉ:* HS có ý thức tìm hiểu, vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống. Chủ động trong mọi hoàn cảnh, biến thách thức thành cơ hội để vươn lên. Luôn có ý thức học hỏi không ngừng để đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế, trở thành công dân toàn cầu.

-*Trách nhiệm:* hành động có trách nhiệm với chính mình, có trách nhiệm với đất nước, dân tộc để sống hòa hợp với môi trường.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

- Tranh ảnh về nhà thơ Xuân Quỳnh và bài thơ “Tiếng gà trưa”.

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a) Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho hs tìm hiểu bài

**b) Nội dung:** Thực hiện yêu cầu GV đưa ra

- GV: Cho hs xem video và chia sẻ cảm xúc của mình.

**c) Sản phẩm:** HS trình bày được đúng yêu cầu của giáo viên .

- HS: Hs bộc lộ cảm xúc của riêng mình.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** Viết ra giấy

**B3: Báo cáo, thảo luận:** HS báo cáo kết quả

**B4: Kết luận, nhận định (GV):**

Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

***- GV dẫn dắt***: Nhà thơ Đỗ Trung Quân đã từng viết:

“Quê hương là gì hả mẹ

Mà cô giáo dạy phải yêu

Quê hương nếu ai không nhớ

Sẽ không nhớ nổi thành người”

Quả đúng như vậy. Ai cũng có một quê hương cho riêng mình và mỗi người có những kỷ niệm gắn bó máu thịt với quê hương yêu dấu. Để rồi khi đi xa luôn đau đáu nhớ về nơi chôn nhau cắt rốn của mình. Nữ sĩ Xuân Quỳnh cũng đã nhớ về quê hương của mình với những kỷ niệm ấu thơ gắn bó với hình ảnh người bà kính yêu. Nỗi nhớ của Xuân Quỳnh được thể hiện qua bài thơ “Tiếng gà trưa” mà hôm nay cô trò ta cùng thưởng thức.

**2. HĐ 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **I. TRI THỨC NGỮ VĂN** | | |
| **1. Tác giả** | | |
| **Hoạt động 1: Giới thiệu chung**  **a) Mục tiêu:** Học sinh tìm hiểu thông tin về tác giả và tác phẩm  **b) Nội dung:** HS thực hiện nhiệm vụ.  **c) Sản phẩm:** Nắm rõ thông tin về tác giả và tác phẩm.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **- GV:** Căn cứ vào phần chú thích và những hiểu biết của em về Xuân Quỳnh, hãy trình bày tóm tắt đôi điều về tác giả của bài thơ này?  **- GV:** Hãy cho biết bài thơ được sáng tác trong thời điểm nào?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + Học sinh dựa vào sự chuẩn bị ở nhà để trình bày.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + HS trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá.  **GV bổ sung:**  - Xuất thân trong một gia đình công chức, mồ côi mẹ từ khi còn nhỏ, xa cha, sống với bà ở La Khê - thời gian này là nguồn cảm hứng để tác giả thể hiện trong sáng tác của mình.  - Tập thơ đầu tay: Chồi biếc (1963). Xuân Quỳnh mất ngày 29/8/1988 trong một tai nạn giao thông cùng với chồng - nhà viết kịch hiện đại Lưu Quang Vũ và con trai út Lưu Quỳnh Thơ 13 tuổi.  **- GV** giới thiệu 1 số tác phẩm của Xuân Quỳnh: Tơ tằm, chồi biếc (1963), Hoa dọc chiến hào (1968), Gió Lào cát trắng (1974), Lời ru trên mặt đất (1978), Sân ga chiều em đi (1978), Tự hát (1984), Hoa cỏ may - Tập thơ đạt giải thưởng văn học năm 1990 của hội nhà văn VN.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:**  + GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn đáp án. | **D:\220px-Xuan_Quynh.jpg**  **I. Giới thiệu chung**  **1. Tác giả**  - Xuân Quỳnh sinh năm 1942 và mất năm 1988, tên đầy đủ là Nguyễn Thị Xuân Quỳnh.  - Quê ở làng An Khê, ven thị xã Hà Đông, tỉnh Hà Tây (nay thuộc Hà Nội).  - Xuân Quỳnh là một trong những nhà thơ nữ xuất sắc của Việt Nam, Xuân Quỳnh thường viết về những tình cảm gần gũi, bình dị, trong sáng của đời sống gia đình và cuộc sống hàng ngày, biểu lộ những rung cảm và khát vọng của một trái tim phụ nữ chân thành, tha thiết và đằm thắm  - Thơ Xuân Quỳnh trẻ trung, sôi nổi, đôn hậu, giàu nữ tính. | |
| **2. Tác phẩm** | | |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS  - Biết được những nét chung của văn bản (Thể loại, bố cục…)  **b) Nội dung**:  - GV sử dụng KT đặt câu hỏi, sử dụng phiếu học tập cho HS thảo luận nhóm.  - HS dùng phiếu học tập để trả lời, làm việc cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời và phiếu học tập đã hoàn thành của HS  **d) Tổ chức thực hiện** | | |
| **HĐ của thầy và trò** | | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Hướng dẫn cách đọc & yêu cầu HS đọc.  - Chia nhóm lớp, giao nhiệm vụ:  ? Nêu hoàn cảnh sáng tác?Xác định thể thơ? Chỉ ra những yếu tố đặc trưng của thể thơ qua bài thơ (vần, nhịp, dòng, khổ thơ).  ? Bài thơ gồm mấy khổ thơ? Có thể chia văn bản thành mấy phần và nội dung từng phần?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - Đọc văn bản  - Làm việc cá nhân 2’, nhóm 5’  + 2 phút đầu, HS ghi kết quả làm việc ra phiếu cá nhân.  + 5 phút tiếp theo, HS làm việc nhóm, thảo luận và ghi kết quả vào ô giữa của phiếu học tập, dán phiếu cá nhân ở vị trí có tên mình.  D:\temiss\PHIẾU HỌC TẬP.jpg  **GV**:  - Chỉnh cách đọc cho HS (nếu cần).  - Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**: Trình bày sản phẩm của nhóm mình. Theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **GV***:*  - Nhận xét cách đọc của HS.  - Hướng dẫn HS trình bày bằng cách nhắc lại từng câu hỏi  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau . | | a) Đọc và tìm hiểu chú thích  - HS đọc đúng, truyền cảm.  b) Tìm hiểu chung  **\* Hoàn cảnh sáng tác:**  Tiếng gà trưa được viết trong thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ. Bài thơ được in lần đầu trong tập thơ Hoa dọc chiến hào (1968) của Xuân Quỳnh.  **\* Thể thơ:** ngũ ngôn (5 chữ).  **\* Phương thức biểu đạt:**  Tự sự, miêu tả kết hợp biểu cảm.  **\* Bố cục Gồm 3 phần:**  Phần 1: Từ đầu đến “Nghe gọi về tuổi thơ” (Những rung cảm ban đầu của cháu khi nghe tiếng gà trưa).  Phần 2: Tiếp theo đến “Đi qua nghe sột soạt” (Tiếng gà trưa gợi về những kỉ niệm tuổi thơ).  Phần 3: Còn lại. Những suy tư của cháu từ tiếng |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **II. ĐỌC - HIỂU VĂN BẢN** | | |
| **1. Tiếng gà trưa làm thức dậy tình cảm làng quê** | | |
| **Hoạt động 3: Hướng dẫn HS phân tích**  a) Mục tiêu: HS phân tích văn bản  b) Nội dung: HS vận dụng sgk, kiến thức GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ, trả lời ra giấy nháp.  c) Sản phẩm: Đáp án của HS  d) Tổ chức thực hiện: | | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV:** Khổ thơ 1 kể về 1 sự việc bình thường mà thú vị. Theo em đó là sự việc gì? Em có nhận xét gì về thời điểm xảy ra sự việc?  **- GV:** Theo em, biện pháp nghệ thuật nào được sử dụng trong khổ thơ này và tác dụng của nó?  **- GV:** Sử dụng điệp từ “nghe” cho ta thấy tác giả đã cảm nhận âm thanh tiếng gà trưa bằng những giác quan nào?  **- GV:** Ngoài phép điệp từ, em có nhận xét gì về hình ảnh, ngôn ngữ thơ ở đây?  **- GV:** Đường hành quân xa là đường ra trận, với người ra trận tiếng gà trưa gợi cảm giác mới lạ nào.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS trả lời. GV nhận xét, bổ sung  - Thời điểm cụ thể về thời gian, không gian, nơi chốn  - Điệp từ : nghe - nhấn mạnh cảm giác khi nghe tiếng gà trưa - cảm xúc lan toả trong tâm hồn  - GV: đây là biện pháp tu từ ta sẽ học kĩ ở tiết sau.  - Thính giác, cảm nhận bằng tâm tưởng, hồi ức, bằng cảm xúc của tâm hồn. Như vậy ở đây có sự chuyển đổi cảm giác. Chữ nghe được điệp lại làm cho giọng thơ ngọt ngào hơn, tha thiết hơn, mở ra những liên tưởng đáng yêu.  - Hình ảnh ngôn ngữ chân thực, giản dị  - Nắng trưa xao động, bàn chân đỡ mỏi, tuổi thơ hiện về.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:**  + GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn đáp án.  **NV3**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**    **- GV:** Vậy điều đó nói lên tình cảm gì của người chiễn sĩ đối với làng xóm quê hương?  **- GV:** Từ việc phân tích trên, em hiểu điều gì về con người, tâm hồn của tác giả?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thảo luận Cặp đôi  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS trả lời. GV nhận xét, bổ sung  + Tiếng gà là âm thanh của làng quê, âm thanh bình dị, thân thuộc bao đời, âm thanh mang lại niềm vui cho con người chốn thôn quê.  + Tiếng gà vang lên phá tan cái tĩnh lặng buổi trưa của làng quê, tiếng gà đem lại niềm vui.  + Tiếng gà gợi kỉ niệm ấu thơ.  - Tình cảm gắn bó với làng xóm quê hương - tình yêu quê hương thắm thiết, sâu nặng.  - Tâm hồn rộng mở, yêu làng xóm quê hương tha thiết.  - Sự nhạy cảm, tinh tế, yêu những gì đơn sơ, bình dị nhỏ bé nhưng rất đỗi thân thương. Một tiếng gà trưa cũng gợi mở bao cảm xúc thẳm sâu trong lòng. Tiếng gà trưa là âm thanh đồng vọng của gia đình, làng xóm, quê hương đất nước.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:**  + GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn đáp án.  **GV bình:** Như vậy, tiếng gà nhảy ổ như một phép thần kì đã truyền cho người chiễn sĩ bao niềm vui, bao nghị lực. Người lính trẻ nghe tiếng gà trưa như cảm thấy trong nắng trưa đang lung linh, đang nhảy múa xôn xao trước mắt thật vui, tưởng như có làn gió mát thổi qua tâm hồn mình làm vơi đi, làm dịu bớt ánh nắng buổi trưa, như xua tan cái mệt mỏi và tiếp thêm sức mạnh để vượt qua chặng đường phía trước, sẵn sàng dấn thân vào cuộc chiến đấu đầy gian khổ.  Nghe tiếng gà trưa người chiến sĩ thêm xao xuyến, mọi kỉ niệm tuổi thơ như được đánh thức, bừng dậy, ùa về. | - Hoàn cảnh: Người cháu đang trên đường hành quân, nhìn thấy xóm làng liền ghé vào nghỉ ngơi.  - Âm thanh: tiếng gà “cục tác cục ta”.  - Tâm trạng: điệp từ “nghe” kết hợp với ẩn dụ chuyển đổi cảm giác “xao động nắng trưa”, “bàn chân đỡ mỏi”, “trở về tuổi thơ”.  ***=> Tiếng gà trưa trở thành âm thanh gợi về những kỉ niệm tuổi thơ.***  ***=> Tác giả là người có tình yêu làng quê sâu sắc.*** | |
| **CHUYỂN SANG TIẾT 2** | | |
| **2. Tiếng gà trưa gắn liền với kỉ niệm ấu thơ thân thương** | | |
| **Hoạt động 3: Hướng dẫn HS phân tích**  **a) Mục tiêu:** HS phân tích văn bản  **b) Nội dung:** HS vận dụng sgk, kiến thức GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ,làm phiếu bài tập.  **c) Sản phẩm:** Đáp án của HS  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **HĐ của thầy và trò** | | **Sản phẩm dự kiến** |
| **NV1**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV:**yêu cầu HS đọc khổ thơ 2,3,4,5,6  Và yêu cầu hs làm phiếu bài tập số 2    **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + Học sinh suy nghĩ hoàn thành phiếu bài tập.  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS trả lời. GV nhận xét, bổ sung.  - Tiếng gà trưa đã khơi dậy hình ảnh những con gà mái với những quả trứng hồng.  - Những chi tiết gợi tả một màu sắc tươi sáng. Qua những chi tiết đó người đọc như thấy hiện ra hình ảnh đàn gà đẹp đẽ xinh xắn đáng yêu. Vẻ đẹp ấy gợi liên tưởng tới cuộc sống đầm ấm hiền hoà bình dị.  **- GV:**Lời thơ “Này ... mái” như tiếng gọi được lặp lại trong đoạn thơ có tác dụng gì?  - Biểu hiện tình cảm nồng hậu gẫn gũi thân thương sự gắn bó của gia đình và làng quê.  - Kỉ niệm xem trộm gà đẻ bị bà mắng.  - Hình ảnh người bà chăm chút từng quả trứng để giành cho gà mái ấp.  - Nỗi lo lắng của người bà mỗi khi mùa đông trời  “Cứ hàng...muối”.  - Niềm vui thuở ấu thơ khi xuân về tết đến có được quần áo mới.  - Đó là lời mắng yêu. Bà có mắng cháu thì cũng xuất phát từ tình yêu thương, từ mong muốn cháu xinh đẹp có hạnh phúc.  **GV bình:**rõ ràng chi tiết này thể hiện chân thật tình cảm giản dị mà sâu sắc trong tình yêu bà dành cho cháu.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:**  **NV2**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **- GV:**Hình ảnh bà chắt chiu từng quả trứng gợi cho em suy nghĩ gì về bà.  **- GV:** Những câu thơ “Cứ hàng ... áo mới” nói về điều gì?  **- GV:**Em có nhận xét gì về nỗi lo của bà?  **- GV:**Chi tiết niềm vui được quần áo mới gợi cho em cảm nghĩ gì về tuổi thơ và tình bà cháu?  **- GV:**Qua tất cả những chi tiết trên, em có nhận xét gì về bà?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS trả lời. GV nhận xét, bổ sung  - Luôn chiu thương, chịu khó tần tảo chắt chiu trong cảnh nghèo khổ.  - Nói về nỗi lo của bà khi gió mùa đông tới, khi trời có sương. Thực chất của nỗi lo đó bà lo gà hỏng không có gà bán không có tiền mua quần áo mới cho cháu.  - Là nỗi lo vì niềm vui của cháu. Nỗi lo ấy cho ta thấy được tình yêu thương giản dị thầm lặng của người bà quê hương.  - Tuổi thơ gắn liền với niềm vui bé nhỏ trong lành ở gia đình và làng quê.  - Vui vì có quần áo mới song vui hơn vì được sống trong sự yêu thương của bà. | | - Kỉ niệm tuổi thơ bên người bà lần lượt hiện ra qua dòng hồi tưởng của người cháu:  - Hình ảnh: con gà mái mơ - mình hoa đốm trắng, con gà mái vàng - lông óng như màu nắng. Đó là hình ảnh thân thuộc, gần gũi với nông thôn.  - Kỉ niệm: người cháu tò mò xem gà đẻ trứng, bị bà mắng “Gà đẻ mà mày nhìn/ Rồi sau này lang mặt” khiến đứa cháu lo lắng. Đó là những nỗi lo hồn nhiên và rất con trẻ.  - Hình ảnh:  - Bà khum soi trứng, chắt chiu từng quả để đem bán lấy tiền mua quần áo mới cho cháu.  - Mùa đông tới, trời trở lạnh, bà lại lo lắng đàn gà sẽ chết.  **=> Thể hiện tình cảm của bà dành cho cháu, một tình cảm yêu thương trìu mến.** |
| **- GV:**Qua tất cả những chi tiết trên, em có nhận xét gì về bà?  - Bà là người nghèo khó nhưng giàu tình yêu thương giàu đức hi sinh sống hết lòng vì cháu  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:**  + GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn đáp án. | | - Bà là người nghèo khó nhưng giàu tình yêu thương giàu đức hi sinh sống hết lòng vì cháu  ***=> Vẻ đẹp của bà chính là vẻ đẹp muôn đời của người bà, người mẹ Việt Nam, vẻ đẹp của người bà trong truyện cổ tích ...*** |
| **3. Tiếng gà trưa và những suy tư của người chiến sĩ** | | |
| **NV3**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **- GV** yêu cầu: HS đọc hai khổ thơ cuối.  **- GV**đặt câu hỏi.  **- GV:**Theo em trong “giấc ngủ ...trứng  ” thì con người chỉ có thể mơ thấy điều gì?  **- GV:**Trong khổ thơ cuối tác giả sử dụng những biện pháp nghệ thuật nào? Tác dụng?  ? Đó là một mục đích chiến đấu như thế nào?  **- GV:**Vì sao người chiến sĩ có thể nghĩ rằng cuộc chiến đấu của mình còn là “vì.... thơ’’?  **- GV:**Tất cả những điều ấy giúp con hiểu gì về người chiến sĩ?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS trả lời. GV nhận xét, bổ sung  **+**Trong đoạn thơ này tiếng gà trưa đã gợi lên điều gì?  + Vì sao có thể nghĩ rằng “Tiếng ...phúc”?  - Tiếng gà trưa đã thức dậy bao tình cảm bao kỷ niệm. Tiếng gà trưa là âm thanh bình dị của làng quê đem lại niềm yêu thương cho con người.  - Mơ thấy những điều tốt lành, những niềm vui và hạnh phúc.  - Điệp từ “vì” có tác dụng khẳng định mục đích chiến đấu, lí tưởng chiến đấu của người chiến sĩ.  ? Đó là một mục đích chiến đấu như thế nào?  - Mục đích vừa cao cả vừa bình dị.  - Ổ trứng và tiếng gà là những điều chân thật thân thương quý giá; là biểu tưọng hạnh phúc ở một miền quê. Vì thế cuộc chiến đấu hôm nay còn có thêm ý nghĩa bảo vệ những điều chân thật và quý giá đó.  - Là người gắn bó với gia đình, quê hương đất nước.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:**  + GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn đáp án.  **GV bình:** như vậy đối với người chiến sĩ âm thanh của tiếng gà trưa như là nút khởi động, như là chiếc đũa thần chỉ chạm khẽ vào kí ức đã làm sống dậy những tình cảm, những kỉ niệm tuổi ấu thơ. Không những thế đối với cuộc sống hiện tại âm thanh ấy còn như lời thúc giục người chiến sĩ chiến đấu vì lí tưởng cao đẹp. Rõ ràng nếu không phải là ngưòi yêu mến và gắn bó với gia đình với quê hương đất nước thì làm sao một âm thanh rất đỗi bình dị ấy lại gợi lên trong lòng người chiến sĩ những tình cảm lớn lao cao đẹp như vậy. | | - Ý nghĩa của tiếng gà trưa: mang bao nhiêu hạnh phúc, kỉ niệm về người bà.  - Điệp từ "vì": khẳng định mục đích chiến đấu của người chiến sĩ: bảo vệ Tổ quốc, gia đình, quê hương, mục đích lớn lao được bắt nguồn từ những gì bình thường, giản dị nhất.  **=> Mục đích chiến đấu cao cả, thiêng liêng thể hiện lòng yêu Tổ quốc.** |
| **III. TỔNG KẾT** | | |
| **Hoạt động 4 : Hướng dẫn tổng kết**  **a) Mục tiêu:** Học sinh biết cách tổng kết nội dung kiến thức bài học.  **b) Nội dung:** HS vận dụng sgk, kiến thức GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ, trả lời ra giấy nháp.  **c) Sản phẩm:** Đáp án của HS  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV:**Khái quát lại những nét đặc sắc về nghệ thuật của bài thơ?  **- GV:**Nêu nội dung và ý nghĩa bài thơ?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + Học sinh thảo luận, suy nghĩ tìm ra câu trả lời và ghi ra giấy nháp.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**   -HS đứng tại chỗ trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá.  **-Bước 4: Kết luận, nhận định:**   Giáo viên nhận xét, đánh giá  - HS đọc ghi nhớ trong  sgk. | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Thể thơ năm chữ diễn đạt tình cảm tự nhiên.  -  Sử dụng các biện pháp tu từ: nhân hóa, điệp ngữ, ẩn dụ.  **2. Nội dung:**  - Tiếng gà trưa đã khơi gợi những kỉ niệm tuổi thơ và tình cảm bà cháu. Tình cảm gia đình đã góp phần làm cho tình cảm yêu nước trở nên sâu sắc. | |

**3. HĐ 3: Luyện tập, vận dụng**

**a) Mục tiêu:** Hs hoàn thiện kiến thức vừa chiếm lĩnh được; rèn luyện kĩ năng áp dụng kiến thức mới để giải quyết các tình huống/vấn đề trong học tập.

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ cho HS trả lời các câu hỏi

**c) Sản phẩm:** Trả lời các câu hỏi của GV

**d) Tổ chức thực hiện:**

***a) Mục tiêu:*** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

***b) Nội dung:*** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao.

***c) Sản phẩm:*** Bài vẽ hoặc viết đoạn văn thể hiện phù hợp nội dung văn bản

***d) Tổ chức thực hiện***

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**- GV:**

**1.** Đọc diễn cảm bài thơ và hoàn thành nội dung bài thơ bằng sơ đồ tư duy.

**2**. Viết đoạn văn biểu cảm từ 5 đến 7 câu về kỉ niệm tuổi thơ mà em ấn tượng nhất trong bài thơ Tiếng gà trưa  của Xuân Quỳnh.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Học sinh tự vẽ sơ đồ tư duy.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

HS trình bày kiết quả.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

 Giáo viên nhận xét, đánh giá

**DẶN DÒ:**

- Về nhà học bài

- Tìm hiểu thêm một số bài thơ 4 chữ, 5 chữ

- Soạn phần viết “Tập làm thơ bốn chữ, năm chữ” /- Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ bốn chữ, năm chữ

+ Đọc kĩ phần định hướng, phần thực hành (tr51-54)

+ Có thể làm thơ 4 chữ, 5 chữ trước ; hoặc viết dàn ý/đoạn văn ghi lại cảm xúc của mình về các bài thơ đã học

**Ngày soạn: 16/10/2024**

**Ngày dạy: 20/10/2024 (dạy bù- 7D)**

**Tiết 24:**

**BÀI 2. THƠ BỐN CHỮ, NĂM CHỮ**

**VIẾT:**

**TẬP LÀM THƠ BỐN CHỮ, NĂM CHỮ**

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

***1. Năng lực***

- Nhận biết đặc điểm cơ bản của thơ 4 chữ, 5 chữ: nguồn gốc, số câu, số chữ, gieo vần, ngắt nhịp..

- Nhận biết và phân tích được đặc điểm của thể thơ bốn chữ, năm chữ;

- Bước đầu biết làm bài thơ bốn chữ, năm chữ.

*a.Năng lực chung:*

***-****Năng lực tự chủ và tự học*: sự tự tin và tinh thần lạc quan trong học tập và đời sống, khả năng suy ngẫm về bản thân, tự nhận thức, tự học và tự điều chỉnh để hoàn thiện bản thân.

-*Năng lực giao tiếp và hợp tác*: thảo luận, lập luận, phản hồi, đánh giá về các vấn đề trong học tập và đời sống; phát triển khả năng làm việc nhóm, làm tăng hiệu quả hợp tác.

*-Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo*: biết đánh giá vấn đề, tình huống dưới những góc nhìn khác nhau.

***b.*** *Năng lực đặc thù:*

***-*** *Năng lực ngôn ngữ(Đọc, viết, nói & nghe)* Biết vận dụng kiến thức cơ bản từ việc đọc hiểu cùng với những trải nghiệm và khả năng suy luận của bản thân để hiểu văn bản;Trình bày dễ hiểu các ý tưởng ; có thái độ tự tin khi nói; kể lại mạch lạc câu chuyện; biết chia sẻ ý tưởng khi thảo luận ý kiến về bài học.Viết được các đoạn văn, bài văn với những phương thức biểu đạt khác nhau.

*- Năng lực văn học(thẩm mỹ)*: Trình bày được cảm nhận và tác động của tác phẩm đối với bản thân. Vận dụng suy nghĩ và hành động hướng thiện. Biết sống tốt đẹp hơn.

***2. Phẩm chất chủ yếu:***

- Chăm chỉ: HS có ý thức tìm hiểu, vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống. Chủ động trong mọi hoàn cảnh, biến thách thức thành cơ hội để vươn lên. Luôn có ý thức học hỏi không ngừng để đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế, trở thành công dân toàn cầu.

-Trách nhiệm: hành động có trách nhiệm với chính mình, có trách nhiệm với đất nước, dân tộc để sống hòa hợp với môi trường.

- Yêu nước: Tập làm những bài thơ thể hiện tình yêu đối với quê hương, đất nước

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HĐ 1: Xác định vấn đề**

**a) Mục tiêu**: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung**: GV tổ chức trò chơi ô chữ về chủ đề thơ ca.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh về chủ đề thơ ca.

**d) Tổ chức thực hiện**:

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

**\* Trò chơi ô chữ:** Lớp chia thành 2 đội. Các đội lần lượt chọn câu hỏi để trả lời. Trả lời đúng câu hỏi hàng ngang được 10 điểm; đoán đúng ô chữ hàng dọc chủ đề được 30 điểm; trả lời sai thì nhường quyền cho đội còn lại. Đội nào nhiều điểm hơn sẽ giành chiến thắng.

1. Thể thơ chủ yếu dùng trong các bài ca dao Việt Nam? (6 chữ cái) – Lục bát.

2. Nhà thơ được coi là lá cờ đầu của thơ ca cách mạng Việt Nam? (5 chữ cái) – Tố Hữu.

3. Thao tác chọn những tiếng giống nhau phần vần ở các câu thơ trong một bài thơ được gọi là gì? (7 chữ cái) – Gieo vần.

4. Trong bài thơ “Đêm nay Bác không ngủ” của Minh Huệ, hình tượng nhân vật trung tâm là ai? (5 chữ cái) – Bác Hồ.

5. Các bài thơ “Lượm”, “Đêm nay Bác không ngủ”, “Mẹ”, “Tiếng gà trưa” là những sáng tác thuộc thời kỳ nào văn học nào của Việt Nam? (7 chữ cái) – Hiện đại.

* **Ô chữ chủ đề: Tên gọi của một thể loại văn học rất giàu nhạc điệu, đậm chất trữ tình. (từ Hán Việt – 5 chữ cái) – Thi Ca.**

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:**

HS chuẩn bị kiến thức về thơ ca để tham gia trò chơi.

**B3: Báo cáo, thảo luận:**

Hs tham gia cuộc thi do GV điều hành.

**B4: Kết luận, nhận định (GV):**

Nhận xét phần thi của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

**2. HĐ 2: Hình thành kiến thức mới: Tìm hiểu đặc điểm thơ 4 chữ, 5 chữ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **a) Mục tiêu**: kiến thức cơ bản về thơ 4 chữ, 5 chữ.  **b) Nội dung**: Kỹ thuật lớp học đảo ngược, Hoạt động nhóm đôi, Sơ đồ tư duy  **c) Sản phẩm**: Câu trả lời của HS  **d) Tổ chức thực hiện** | | | |
| **HĐ của thầy và trò** | | **Sản phẩm dự kiến** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu HS trình bày sơ đồ tư duy nêu hiểu biết về thơ 4 chữ, 5 chữ.  (GV giao việc trước cho hs trên phần mềm hoặc phiếu học tập in sẵn)  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV** hướng dẫn HS đọc và tìm thông tin: Nguồn gốc, đặc điểm (số câu, số chữ, gieo vần, ngắt nhịp, nội dung) thơ 4 chữ, 5 chữ.  **HS** tự tìm hiểu thông tin ở nhà. Trong giờ học thảo luận nhóm đôi, hoàn thiện sơ đồ của mình.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **Chọn 1 cặp đôi lên trình bày. Cặp đôi thống nhất chọn sơ đồ tư duy của 1 bạn và trình bày theo sơ đồ đó.**  **B4. Kết luận, nhận định (GV)**  - HS nhận xét lẫn nhau.  **- GV trình chiếu trang padlet có phần chuẩn bị cá nhân của các học sinh. Nhận xét thái độ, tinh thần chuẩn bị của hs.**  - GV Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức lên màn hình.  - GV bổ sung:  + Nguồn gốc của thơ 4 chữ: Vè, đồng dao,…  VD (video): Xúc xắc xúc xẻ (Đồng dao)  *Xúc xắc xúc xẻ*  *Năm mới năm mẻ*  *Nhà nào còn thức*  *Mở cửa cho chúng tôi…*  + Nguồn gốc của thơ 5 chữ: Hát dặm: Là thể ca 5 chữ gồm nhiều trổ (khổ), mỗi trổ thường có 5 câu, trong đó thường có một câu láy lại.  Ví dụ (video minh họa): Thuyền và bến (Hò bơi thuyền)  *Nước sông Lam dào dạt*  *Đây cảnh đẹp Nam Đàn*  *Ai đi chợ Sa Nam*  *Mà xem thuyền, xem bến*  *Thuyền xưa nay còn nhớ*  *Nơi bến cũ sông nhà*  *Dù thuyền có đi xa*  *Bến vẫn chờ, vẫn đợi*  *Dù con nước vơi đầy*  *Thuyền xuôi ngược đó đây*  *Vẫn nhớ về bến cũ*  *Thuyền vẫn về bến cũ*  - Neo đậu bến xưa (An Thuyên).  + Nhịp trong thơ: Nhịp thơ là chỗ ngắt dòng thơ, câu thơ thành từng vế khi đọc; hoặc cách xuống dòng cuối các câu thơ.Vai trò: Tạo tiết tấu, làm nên nhạc điệu của bài thơ, đồng thời góp phần biểu đạt nội dung bài thơ.  + Cách gieo vần: Là chọn các tiếng có phần vần giống nhau hoặc gần giống nhau để tạo âm điệu trong thơ.  *Dựa vào vị trí của dòng thơ có chứa vần:*  *- Vần liền: Các câu thơ chứa vần ngay cạnh nhau.*  *- Vần cách: Các câu thơ chứa vần không cạnh nhau.*  *2. Dựa vào vị trí của vần trong dòng thơ:*  *- Vần chân: Tiếng chứa vần nằm cuối câu thơ.*  *- Vần lưng: Tiếng chứa vần nằm giữa câu thơ*  \* Bài tập nhanh: Nhận diện cách gieo vần:  *1. Lưng mẹ còng rồi*  *Cau thì vẫn thẳng Cau-ngọn xanh rờn Mẹ-đầu bạc trắng 2. Lặng yên bên bếp lửa Vẻ mặt Bác trầm ngâm Ngoài trời mưa lâm thâm Mái lều tranh xơ xác.* | | \* Thơ 4 chữ  - Nguồn gốc: Thể thơ bốn chữ có nguồn gốc Việt Nam, xuất hiện từ xa xưa và được sử dụng nhiều trong tục ngữ, ca dao và đặc biệt là vè, do thích hợp với lối kể chuyện.  - Mỗi dòng thơ: 4 tiếng.  - Số câu không hạn định.  - Có thể chia khổ thơ, thường mỗi khổ có 4 câu.  - Ngắt nhịp: 2/2; 1/3; 3/1  - Dựa vào vị trí của vần trong câu:  + Vần lưng.  + Vần chân.  - Dựa vào vị trí của câu có chứa vần:  + Vần liền.  + Vần cách.  - Chủ đề: phong phú.  \* Thơ 5 chữ  - Nguồn gốc: Phổ biến trong Tục ngữ và trong hát dặm Nghệ Tĩnh. Trong thơ thì sau này người ta mới dùng.  - Mỗi dòng thơ: 5 tiếng.  - Số câu không hạn định.  - Có thể chia khổ thơ, thường mỗi khổ có 4 câu.  - Ngắt nhịp: 2/3; 3/2; 1/2/2; 4/1; 1/4.  - Dựa vào vị trí của vần trong câu:  + Vần lưng.  + Vần chân.  - Dựa vào vị trí của câu có chứa vần:  + Vần liền.  + Vần cách.  - Chủ đề: phong phú.  - VD 1 số bài thơ 4 chữ, 5 chữ.  VD1: Vần chân – vần cách.  VD2: Vần chân – vần liền. | |
| **3. Luyện tập: (thực hành)** | | | |
| **3.1. Thi thả thơ (Điền từ thích hợp vào chỗ trống)** | | | |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS  - Biết cách chọn từ ngữ thích hợp trong thơ đảm bảo ý nghĩa câu thơ và vần, nhịp.  **b) Nội dung**:  - GV sử dụng trò chơi Thả thơ.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS  **d) Tổ chức thực hiện** | | | |
| **HĐ của thầy và trò** | | | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Hướng dẫn cách chơi.  Luật chơi: Mỗi đội cử 5 hs đại diện tham gia trò chơi. Mỗi bạn cầm 1 tờ giấy, ghi 1 từ có thể điền vào chỗ trống. Đội nào hoàn thành trước, đúng và lý giải hợp lý sẽ giành chiến thắng.  ? Lựa chọn từ thích hợp để điền vào chỗ trống?  1. *(Ngay, trong, đây)*  Bóng bàng tròn lắm  Tròn như cái nong  Em ngồi vào …..  Mát ơi là mát!  2. *(băm, cày, lao)*  *(mịt, sương, mờ)*  Ngựa phăm phăm bốn vó  Như … xuống mặt đường  Mặc sớm rừng mù ….  Mặc đêm đông giá buốt.  3. Trung thu đón trăng sáng  Trời bỗng mù mịt …  Em thở dài ngao ngán  Trăng ướt nhòe, buồn chưa!  4. Trung thu đón trăng sáng  Trời bỗng mù mịt sương  Em thở dài ngao ngán  Trăng ướt nhòe, buồn … !  5. Bé em ơi hãy ngủ  Ba mẹ đi làm rồi  Ngủ ngoan nhé …  Trong lời ru của chị  Gió hiu hiu thổi …  Thơm hương bưởi nồng nàn  Hoa cúc thắm nắng …  Nghiêng vào trong giấc ngủ.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**: Dán từ cần điền vào chỗ trống.  **B3: Báo cáo**  **HS**:  - Trả lời câu hỏi của giáo viên.  - Nhận xét câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS.  - Chốt kiến thức và kết luận đội thắng cuộc. | | | 1. Bóng bàng tròn lắm  Tròn như cái nong  Em ngồi vào *trong*  Mát ơi là mát!  2. Ngựa phăm phăm bốn vó  Như *băm* xuống mặt đường  Mặc sớm rừng mù *sương*  Mặc đêm đông giá buốt.  3. Trung thu đón trăng sáng  Trời bỗng mù mịt *mưa*  Em thở dài ngao ngán  Trăng ướt nhòe, buồn chưa!  4. Trung thu đón trăng sáng  Trời bỗng mù mịt sương  Em thở dài ngao ngán  Trăng ướt nhòe, buồn *thương*!  5. Bé em ơi hãy ngủ  Ba mẹ đi làm rồi  Ngủ ngoan nhé *bé ời*  Trong lời ru của chị  Gió hiu hiu thổi *nhẹ*  Thơm hương bưởi nồng nàn  Hoa cúc thắm nắng *vàng*  Nghiêng vào trong giấc ngủ. |
| **3.2. Viết tiếp một số câu thơ theo dòng thơ mở đầu cho sẵn** | | | |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS  - Tập phát triển một số câu thơ theo chủ đề được gợi ý.  **b) Nội dung**:  - GV sử dụng Kỹ thuật thảo luận nhóm.  - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thiện nhiệm vụ.  - HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **c) Sản phẩm:** Phiếu học tập của HS đã hoàn thành, câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện** | | | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia lớp ra làm 4-6 nhóm (Mỗi dãy gồm 2-3 nhóm):  Viết tiếp để tạo thành bài thơ 4 chữ, 5 chữ (từ 4 đến 8 câu)  **Dãy A: Mùa xuân xinh tươi**  **Dãy B: Ngày đầu em đến lớp**  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**: Làm việc theo nhóm.  **GV** theo dõi, hỗ trợ cho HS (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu đại diện của một nhóm lên trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS:**  **- Đại diện 1 nhóm lên bày sản phẩm:**  **- Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.**  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS. | \* Học sinh tự bộc lộ. | | |
| **3.3. Tập làm một bài thơ 4 chữ, 5 chữ.** | | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  Hs tự làm một bài thơ 4 chữ, 5 chữ theo các chủ đề: Người thân, kỷ niệm, loài cây, con vật,…  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**: Làm việc cá nhân.  **GV** theo dõi, hỗ trợ cho HS (nếu HS gặp khó khăn).  - Em muốn viết về đối tượng nào? Tình cảm của em với đối tượng?  - Tìm hình ảnh, sự việc ấn tượng nhất về đối tượng?  - Dự kiến sử dụng biện pháp tu từ (so sánh, nhân hóa, điệp từ,…  - Chú ý cách gieo vần, số tiếng trong dòng thơ.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu học sinh lên trình bày.  **HS:**  **- Cá nhân lên trình bày sản phẩm: Bài thơ của bản thân.**  **- Các hs khác theo dõi, quan sát, nhận xét, giúp bạn hoàn thiện bài thơ.**  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của học sinh, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong sản phẩm của HS. | **\* HS tự bộc lộ.**  **THAM KHẢO**  1. Tình mẹ bao la  Vượt trên tất cả  Tháng năm vất vả  Tần tảo vì con  Mong con lớn khôn  Đáp đền ơn mẹ! | | |

**4. HĐ 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học vào thực tế cuộc sống.

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Sản phẩm của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao nhiệm vụ)

- Sưu tầm thêm bài thơ hay 4 chữ, 5 chữ.

- Nộp sản phẩm bằng giấy ktra hoặc trên phần mềm.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**GV** hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ: Tìm hiểu nguồn tư liệu ở sách, báo, internet…

**B3: Báo cáo, thảo luận**

**GV** hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm.

**HS** nộp sản phẩm cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có).

**Dặn dò**

- Về nhà hoàn thiện bài

- Đọc trước phần định hướng, đọc và xác định cách làm phần thực hành bài “*Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ bốn chữ, năm chữ” (tr 53-54)***Ngày soạn: 17/10/2024**

**Ngày dạy: 21,22/10/2024**

**BÀI 2. THƠ BỐN CHỮ, NĂM CHỮ**

**Tiết 25,26. VIẾT:**

**VIẾT ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM XÚC SAU KHI ĐỌC XONG MỘT BÀI THƠ BỐN CHỮ, NĂM CHỮ**

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

***1. Năng lực:***

- Biết trình bày cảm nghĩ của mình về một bài thơ bốn chữ, năm chữ theo quy trình 4 bước: chuẩn bị, tìm ý và lập dàn ý, viết đoạn văn và kiểm tra, chỉnh sửa.

- Rèn luyện tư duy cách nghĩ và cách biểu đạt suy nghĩ để viết đoạn văn cảm nghĩ về một bài thơ bốn chữ, năm chữ.

- Biết tạo lập văn bản dưới hình thức một đoạn văn

- Rèn năng lực tự học, hợp tác và sáng tạo trong viết cảm nghĩ về bài thơ bốn chữ, năm chữ.

*a.Năng lực chung:*

***-****Năng lực tự chủ và tự học*: sự tự tin và tinh thần lạc quan trong học tập và đời sống, khả năng suy ngẫm về bản thân, tự nhận thức, tự học và tự điều chỉnh để hoàn thiện bản thân.

-*Năng lực giao tiếp và hợp tác*: thảo luận, lập luận, phản hồi, đánh giá về các vấn đề trong học tập và đời sống; phát triển khả năng làm việc nhóm, làm tăng hiệu quả hợp tác.

*-Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo*: biết đánh giá vấn đề, tình huống dưới những góc nhìn khác nhau.

***b.*** *Năng lực đặc thù:*

***-*** *Năng lực ngôn ngữ(Đọc, viết, nói & nghe)* Biết vận dụng kiến thức cơ bản từ việc đọc hiểu cùng với những trải nghiệm và khả năng suy luận của bản thân để hiểu văn bản;Trình bày dễ hiểu các ý tưởng ; có thái độ tự tin khi nói; kể lại mạch lạc câu chuyện; biết chia sẻ ý tưởng khi thảo luận ý kiến về bài học.Viết được các đoạn văn, bài văn với những phương thức biểu đạt khác nhau.

*- Năng lực văn học(thẩm mỹ)*: Trình bày được cảm nhận và tác động của tác phẩm đối với bản thân. Vận dụng suy nghĩ và hành động hướng thiện. Biết sống tốt đẹp hơn.

***3.Phẩm chất chủ yếu:***

- Chăm chỉ: HS có ý thức tìm hiểu, vận dụng lí thuyết đã học vào viết đoạn văn.

- Trách nhiệm: hành động có trách nhiệm với chính mình, có trách nhiệm với đất nước, dân tộc.

- Yêu nước: Bồi dưỡng tình yêu quê hương, đất nước qua một số bài thơ.

- Nhân ái: Rèn luyện cho bản thân đức tính tốt là yêu thương con người, cảm nhận được tình cảm của nhân vật trữ tình đối với đối tượng trữ tình trong bài thơ.

- Trung thực: Bài viết do chính bản thân mình viết.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | | **Sản phẩm mong đợi(Dự kiến)** | |
| **HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG:5’**  **1. Mục tiêu:** HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học, có hứng thú tiếp thu bài mới.  - Phương pháp tích cực: Trò chơi  - Kĩ thuật: Động não, tia chớp...  **2. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **3. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.  **4. Tổ chức thực hiện:** | | | | |
| GV đưa nhiệm vụ:  - HS tham gia trò chơi với gói mười câu hỏi khơi gợi kiến thức ngữ văn về thơ sáu chữ,bảy chữ.  - Hệ thống câu hỏi  Em đã từng được học, được đọc, được nghe những bài thơ nào được làm theo thể thơ bốn chữ, năm chữ? Trong đó em thích nhất bài thơ nào? Vì sao? | | | | |
| ***+ Giao nhiệm vụ****:* Suy nghĩ trả lời  - Một H quản trò: Nêu câu hỏi và dẫn dắt trong quá trình thực hiện trò chơi.  - H tham gia chơi: Trả lời trả lời câu hỏi  - Ban thư kí: Theo dõi phần trả lời của người chơi.  - Giáo viên: Tham gia ban cố vấn.  ***+ Yêu cầu HS báo cáo kết quả.*** | +***Thực hiện nhiệm vụ.***Làm việc nhóm  - Trình bày | | - HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học.  - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới. | |
| ***+ GV nhận xét, dẫn dắt, giới thiệu bài mới:*** Như vậy qua hoạt động trên, các em đã biết trình bày miệng những ý kiến, suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về các bài thơ bốn chữ, năm chữ. Trong bài học hôm nay, chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu cách để ghi những suy nghĩ, ý kiến, cảm xúc đó của mình thành một đoạn văn hoàn chỉnh. | | | | |
| **HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC: 20’**  ***1.Mục tiêu:*** Nắm được đặc trưng cơ bản của thơ sáu chữ, bảy chữ, cách làm thơ sáu chữ, bảy chữ. Rèn luyện kỹ năng viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ bốn chữ, năm chữ.  ***- Phương pháp***: Hợp tác; Giải quyết vấn đề; Theo mẫu…  ***- Kĩ thuật***: Động não, tia chớp, bức tường,khăn trải bàn…  ***2. Nội dung***: Làm việc cá nhân, thảo luận nhóm để hoàn thành phiếu học tập, hoàn thiện bài tập  ***3. Sản phẩm của HS:*** Câu trả lời cá nhân, phiếu học tập đã hoàn thiện của các nhóm.Phần chốt của GV  ***4. Tổ chức thực hiện:*** | | | | |
| ***+ Giao nhiệm vụ: Thảo luận 5’***  - Chia lớp thành 4 nhóm  - KT: Tia chớp, bức tường  **- Tìm hiểu, phân tích đoạn văn mẫu**  - Hoàn thành câu phần trả lời vào PHT số 1 => Đính lên bảng  ***+ Yêu cầu HS báo cáo kết quả.***  - GV gọi một vài HS trình bày sản phẩm trước lớp.  - Nhận xét sản phẩm của bạn và góp ý cho bạn.  ***+ GV nhận xét, chốt kiến thức*** | ***+Thực hiện nhiệm vụ:***  Thảo luận, hoàn thành yêu cầu ở PHT số 1  - Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  -Nghe, lưu sản phẩm. | | ***1. Định hướng***   * **Sử dụng PHT số 1** | |
| **(Phân tích đoạn văn mẫu)**  ***Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu ở dưới:***  **(1)** Bài thơ ***“ Mẹ”*** của nhà thơ Đỗ Trung Lai là một trong những bài thơ hay viết về mẹ. **(2)** Đọc bài thơ em vô cùng xúc động. **(3)** Xuyên suốt bài thơ là **hình ảnh sóng đôi: mẹ và cau. (4)** Nhà thơ đã chọn một thứ cây rất gần gũi trong đời sống ở mỗi làng quê cùng **nghệ thuật đối lập** qua từng khổ thơ đã đem đến cho người đọc **những cảm nhận hết sức chân thực**: *“Lưng mẹ còng rồi/Cau thì vẫn thẳng/Cau - ngọn xanh rờn/Mẹ - đầu bạc trắng”.* **(5) Lời thơ ngỡ như lời nhận xét thông thường** những đằng sau mỗi con chữ là **bao đắng đót, xót xa** của con khi nhận ra thời gian, nỗi vất vả cuộc đời đã hằn lên lưng còng, trên mái đầu bạc trắng của mẹ. **(6)** Không cần nhiều lời chỉ **qua hai hình ảnh lưng còng và mái đầu bạc trắng** của đã cho cúng ta thấy được công lao của mẹ; sự nhọc nhằn, đắng cay me trải qua để nuôi con khôn lớn, trưởng thành. **(7)** Cùng với thời gian, cau ngày càng cao, mẹ ngày một thấp: *“ Cau gần với giời/Mẹ thì gần đất”* đọc lên **nghe thật xót xa.** **(8)** Khoảng cách về sự gần đất của mẹ theo cả nghĩa đen và nghĩa bóng cho thấy quỹ thời gian của mẹ không còn nhiều**. (9)** Mẹ như ngọn đèn trước gió, như chuối chín cây, thời khắc con không còn mẹ đang đến ngày một gần. **(10)** Thời gian làm mẹ ngày một già đi, răng rụng dần nên miếng cau nhỏ nhưng vẫn khó khăn với mẹ. **(11)** **Đọc những vần thơ ấy, ai không rưng rưng nghẹn ngào, không thảng thốt giật mình nghĩ tới mẹ của mình để rồi tự vấn lương tâm “ mình đã làm được gì cho mẹ?”** giống như nhà thơ, kết thúc bài thơ bằng **câu hỏi tu từ không lời đáp:** *“Ngẩng hỏi giời vậy/- Sao mẹ ta già?/Không một lời đáp/ Mây bay về xa*”. (12) **Với thể thơ 4 chữ, hình ảnh thơ mộc mạc gần gũi cùng nghệ thuật đối lập tương phản,** bài thơ đã gây **bao xúc động t**rong lòng người đọc bởi cảm xúc chân thành, chạm đến tình cảm thiêng liêng nhất của mỗi người: TÌNH MẪU TỬ. (13) Chúng ta, những người làm con hãy ghi nhớ công ơn trời biển của cha mẹ và hãy làm sao để nụ cười luôn nở trên môi của mẹ nhé. .  *(Theo bài làm của học sinh, có sửa chữa)*   |  |  | | --- | --- | | **Yêu cầu** | **Nhận xét về bài viết mẫu** | | Nhận xét về hình thức, cấu trúc, dung lượng của đoạn văn |  | | Người viết đã giới thiệu được nhan đề và tên tác giả của bài thơ chưa? Yêu cầu đó được thể hiện qua những câu văn nào? |  | | Người viết đã nêu được cảm xúc chung về bài thơ chưa? Đó là cảm xúc gì, được thể hiện qua những câu văn nào? |  | | Người viết đã chỉ ra được được những chi tiết, hình ảnh, yếu tố nghệ thuật đặc sắc của bài thơ chưa? Đó là những chi tiết nào, được thể hiện qua những câu văn nào? |  | | Người viết đã trình bày được ý nghĩa, tác dụng, lí do yêu thích những chi tiết đó chưa? Yêu cầu đó được thể hiện qua những câu văn nào? |  | | Người viết đã khái quát được những cảm xúc, ấn tượng, suy nghĩ của bản thân về những chi tiết nội dung, nghệ thuật của bài thơ chưa? Đó là những suy nghĩ, cảm xúc nào, được thể hiện qua những câu văn nào? |  | | | | | |
| ***+ Giao nhiệm vụ: Thảo luận 5’***  - Chia lớp thành 4 nhóm  - KT: Tia chớp, bức tường  - Câu hỏi gợi ý: *Một đoạn văn ghi lại cảm nghĩ sau khi đọc một bài thơ* bốn chữ, năm chữ *cần có những yêu cầu gì?*  - Hoàn thành câu phần trả lời vào PHT số 1 => Đính lên bảng  ***+ Yêu cầu HS báo cáo kết quả.***  - GV gọi một vài HS trình bày sản phẩm trước lớp.  - Nhận xét sản phẩm của bạn và góp ý cho bạn.  ***+ GV nhận xét, chốt kiến thức*** | ***+Thực hiện nhiệm vụ:***  Thảo luận, hoàn thành yêu cầu ở PHT số 1  - Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  -Nghe, lưu sản phẩm. | | ***1. Định hướng***   * **Sử dụng PHT số 1** | |
| ***Sản phẩm mong đợi(Dự kiến):***  - Đọc kĩ để hiểu nội dung, nghệ thuật của bài thơ.  - Xác định các yếu tố nội dung hay nghệ thuật đặc sắc trong bài thơ gây ấn tượng và gợi cảm xúc cho em  - Viết đoạn văn, trong đó nêu rõ:  + Em có cảm xúc về vấn đề gì?  + Cảm xúc của em như thế nào?  + Điều gì mang lại cho em cảm xúc đó? Vì sao? | | | | |
| ***a. Giao nhiệm vụ: Làm việc cá nhân***  - Hoàn thành câu phần trả lời vào PHT số 2 => Đính lên bảng  *+ Hãy nêu cách thức rèn luyện kĩ năng viết đoạn văn biểu cảm.*  *+ Đoạn văn nào bộc lộ trực tiếp, đoạn văn nào bộc lộ gián tiếp cảm nghĩ về bài thơ Nắng mới của Lưu Trọng Lư?*  ***c. Yêu cầu HS báo cáo kết quả.***  - GV gọi một vài HS trình bày sản phẩm trước lớp.  - Nhận xét sản phẩm của bạn và góp ý cho bạn.  ***d. GV nhận xét, chốt kiến thức*** | ***b.Thực hiện nhiệm vụ:***  Thảo luận, hoàn thành yêu cầu ở PHT số  - HS tự kiểm tra lại bài viết của mình theo gợi ý của GV ( Theo PHT).  - Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  -Nghe, lưu sản phẩm. | | ***2. Thực hành***  **Bài tập*:*** *Hãy viết đoạn văn bộc lộ cảm xúc của em sau khi đọc một trong các bài thơ: “Mẹ” (Đỗ Trung Lai), “Ông đồ” (Vũ Đình Liên), “Tiếng gà trưa” (Xuân Quỳnh)*  *.***Sử dụng PHT số 2** | |
| ***Sản phẩm mong đợi(Dự kiến): PHT số 3***   |  |  | | --- | --- | | **VIẾT ĐOẠN VĂN BÀY TỎ CẢM XÚC SAU KHI ĐỌC BÀI THƠ BỐN CHỮ, NĂM CHỮ** | | | **Bước 1**  (Chuẩn bị) | Xem lại nội dung đọc hiểu:  - Xem lại nội dung đọc hiểu bài thơ Mẹ.  - Xác định những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ. | | **Bước 2**  (Tìm ý và Lập dàn ý) | **- Tìm ý:** Tìm ý bằng cách đặt ra và trả lời các câu hỏi  + Em thích nhất dòng, khổ, đoạn thơ nào hay cả bài thơ?  + Dòng, khổ, đoạn thơ hay bài thơ đó có gì đặc sắc về nội dung hoặc nghệ thuật?  + Yếu tố nội dung hoặc nghệ thuật ấy gợi cho em những cảm xúc, suy nghĩ, liên tưởng, suy nghĩ gì?  **- Lập dàn ý:** trên cơ sở các ý đã tìm được, có thể lập dàn ý theo bố cục 3 phần  **+ Mở đoạn:** Dẫn ra yếu tố nội dung hay nghệ thuật đặc sắc ở dòng, khổ, đoạn thơ hoặc bài thơ  **+ Thân đoạn**: Nêu cụ thể cảm nhận, suy nghĩ của em về yếu tố nội dung hay nghệ thuật đặc sắc đã xác định ở mở đoạn  **+ Kết đoạn**: Khái quát lại cảm xúc, suy nghĩ của bản thân về yếu tố nội dung hoặc nghệ thuật đặc sắc đã trình bày. | | **Bước 3**  (Viết) | - Viết đoạn văn theo dàn ý đã lập. Khi viết, cần sử dụng các từ ngữ, câu văn biểu cảm thể hiện được chính xác, sinh động cảm xúc, suy nghĩ của em.  - Đảm bảo yếu tố về hình thức của một đoạn văn.  hợp được các ý kiến đã nêu ở thân bài. | | **Bước 4**  (Kiểm tra và chỉnh sửa) | **-** Đọc lại bài viết;  - Kiểm tra các ý đã đầy đủ và đúng trình tự được nêu ở dàn ý chưa.  - Phát hiện sửa lỗi về viết:  + Lỗi về ý: Thiếu ý (ý sơ sài, chưa nêu hết được những điều cần viết), ý lộn xộn (các ý không được sắp xếp theo một trình tự hợp lí), lạc ý (nêu các ý không liên quan đến nội dung bài yêu cầu), ý tản mạn (nêu các ý không tập trung vào nội dung chính của bài viết)  + Lỗi về diễn đạt (dùng từ, viết câu);  + Lỗi chính tả. | | | | | |
| **Bài viết tham khảo**  *Bài thơ* ***Mẹ*** *là lời của người con, bộc lộ cảm xúc xót xa thương cảm khi thấy mẹ ngày một già đi, tuổi cao sức yếu, không còn khỏe mạnh minh mẫn như ngày xưa. Bao nỗi đắng cay, buồn vui cuộc đời của mẹ đều được miếng trầu cau chứng kiến. Nhà thơ Đỗ Trung Lai đã chọn hình ảnh cây cau để ví von so sánh với mẹ là một phát hiện khá tinh tế, nhiều biểu cảm, không chỉ về hình thể bên ngoài mà cả sự sâu lắng bấm đốt thời gian thân phận của một đời người. Mẹ thì bao mong mỏi nhưng rồi thời gian khắc nghiệt như một quy luật luân hồi muôn đời: “Lưng mẹ còng rồi - Cau thì vẫn thẳng” và “Cau - ngọn xanh rờn, Mẹ - đầu bạc trắng”. Hai sắc màu trái ngược nhau, hai hình dáng tương phản nhau tạo ra một ám ảnh cho tiếng thơ tiếng lòng quặn bao nỗi thắt khi “Cau gần với trời - Mẹ thì gần đất”. Chỉ qua hình ảnh miếng cau: “Một miếng cau khô - Khô gầy như mẹ” cũng đủ bao cảm thông héo hắt khi “Con nâng trên tay - Không cầm được lệ”. Hai chữ “nâng” và “cầm” đều chỉ động thái của tình cảm. Nếu “nâng” trang trọng kính trọng biết bao thì “cầm” lại nén bao đắng cay bấy nhiêu. Từng cặp biểu cảm được song hành tạo ra bao chất chứa, lời ít mà vọng xa. Chính đây cũng là sự vận động cảm xúc của bài thơ “Mẹ” dồn nén để buột ra câu cảm thán mang âm hưởng điệu hành trong thơ văn cổ: “Ngẩng trời hỏi vậy - Sao mẹ ta già”. Câu hỏi tự vấn đất trời cũng chính là tự vấn lòng mình. Thơ đã chạm được đến nỗi người, cõi người vừa đăm đăm vừa trống trải. Một sự cô đơn ngỡ như vô vọng: “Không một lời đáo - Mây bay về xa”. Như vậy, bài thơ là nỗi xót xa thưởng cảm của người con trước hình ảnh gầy guộc già nua của mẹ theo năm tháng.* | | | | |
| **HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG: 5’(BTVN)**  ***1. Mục tiêu:*** HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế.  **- Phương pháp:** Hợp tác, nhóm, Giải quyết vấn đề...  **- Kĩ thuật:** Khăn trải bàn.  ***2. Nội dung:*** HS làm việc cá nhân, đưa ra suy nghĩ của bản thân về một vấn đề GV đặt ra.  ***3. Sản phẩm học tập:*** Sản phẩm của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).  ***4. Tổ chức thực hiện:*** | | | | |
| ***Giao nhiệm vụ:***  GV đưa ra nhiệm vụ: *(Nộp sản phẩm về qua nhóm messenger hoặc zalo của cô giáo.)*  Hãy lựa chọn một bài thơ bốn chữ, năm chữ mà em yêu thích và chia sẻ cảm xúc của mình về bài thơ  ***+ Yêu cầu HS báo cáo kết quả.***  **GV**: Hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm.  **HS**: Nộp sản phẩm cho GV qua zalo của cô giáo.  ***+ GV nhận xét, đánh giá.*** | | ***Thực hiện nhiệm vụ.***  **-** HS làm việc cá nhân và hoàn thiện nhiệm vụ .  Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ.  -Lưu sản phẩm. | | ***Sản phẩm mong đợi(Dự kiến):***  Phần bài tập đã hoàn thiện của HS |
| Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà:3’.  1. Đọc kĩ phần câu hỏi để nắm được các đơn vị kiến thức sẽ được học.  2. Đọc kĩ VB và trả lời các câu hỏi ở phần sau.  3. Chuẩn bị :NÓI&NGHE - Trao đổi về một vấn đề. | | | | |

**Ngày soạn: 18/10/2024**

**Ngày dạy: 22/10/2024 (7D)**

**BÀI 2. THƠ BỐN CHỮ, NĂM CHỮ**

**Tiết 27. NÓI VÀ NGHE:**

**TRAO ĐỔI VỀ MỘT VẤN ĐỀ**

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

***1. Năng lực***

- Xác định được một vấn đề chung cần trao đổi trong một bài thơ bốn chữ, năm chữ đã học.

- Nhớ, khái quát được đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ đó.

- Tìm ý và lập dàn ý cho bài trao đổi.

- Trao đổi ý kiến của bản thân với các bạn trong tổ nhóm về vấn đề chung của nhóm.

- Thống nhất ý kiến các thành viên.

- Kiểm tra, chỉnh sửa bài viết.

- Biết kết hợp ngôn ngữ nói với điệu bộ, cử chỉ, nét mặt (ngôn ngữ hình thể)

- Biết cách nói và nghe phù hợp với nội dung bài trình bày.

*a.Năng lực chung:*

***-****Năng lực tự chủ và tự học*: sự tự tin và tinh thần lạc quan trong học tập và đời sống, khả năng suy ngẫm về bản thân, tự nhận thức, tự học và tự điều chỉnh để hoàn thiện bản thân.

-*Năng lực giao tiếp và hợp tác*: thảo luận, lập luận, phản hồi, đánh giá về các vấn đề trong học tập và đời sống; phát triển khả năng làm việc nhóm, làm tăng hiệu quả hợp tác.

*-Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo*: biết đánh giá vấn đề, tình huống dưới những góc nhìn khác nhau.

***b.*** *Năng lực đặc thù:*

***-*** *Năng lực ngôn ngữ(Đọc, viết, nói & nghe)* Biết vận dụng kiến thức cơ bản từ việc đọc hiểu cùng với những trải nghiệm và khả năng suy luận của bản thân để hiểu văn bản;Trình bày dễ hiểu các ý tưởng ; có thái độ tự tin khi nói; kể lại mạch lạc câu chuyện; biết chia sẻ ý tưởng khi thảo luận ý kiến về bài học.Viết được các đoạn văn, bài văn với những phương thức biểu đạt khác nhau.

*- Năng lực văn học(thẩm mỹ)*: Trình bày được cảm nhận và tác động của tác phẩm đối với bản thân. Vận dụng suy nghĩ và hành động hướng thiện. Biết sống tốt đẹp hơn.

***2. Phẩm chất chủ yếu:***

- Chăm chỉ: HS có ý thức tìm hiểu, vận dụng những kiến thức, hiểu biết về đời sống xã hội vào bài.

-Trách nhiệm: hành động có trách nhiệm với chính mình, có trách nhiệm với đất nước, dân tộc để sống hòa hợp với môi trường.

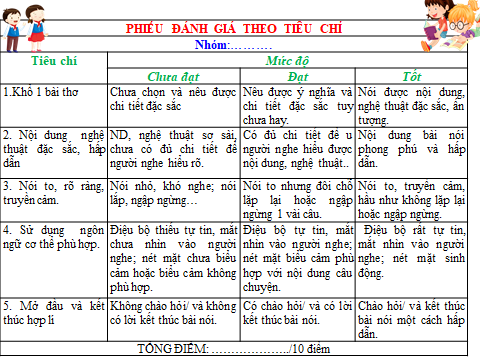
- Trung thực: Bài chuẩn bị của chính bản thân mình.

- Nhân ái: Cảm nhận tình cảm, cảm xúc trong các bài thơ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV, giáo án...

- Phiếu đánh giá

****

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Sản phẩm mong đợi(Dự kiến)** |
| **HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG:5’**  **1. Mục tiêu:** HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học, có hứng thú tiếp thu bài mới.  - Phương pháp tích cực: Thuyết trình; GQVĐ  - Kĩ thuật: Động não, tia chớp...  **2. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **3. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.  **4. Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Nhiệm vụ**: Quan sát các hình ảnh và nêu các vấn đề nói đến …   |  |  |  | | --- | --- | --- | | A picture containing text, clipart  Description automatically generated |  |  | | | |
| ***a. Giao nhiệm vụ****:* Suy nghĩ trả lời độc lập  ***c. Yêu cầu HS báo cáo kết quả.*** | ***b.Thực hiện nhiệm vụ.***  - HS quan sát suy nghĩ cá nhân.  - Trình bày | - HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học.  - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới. |
| ***d. GV nhận xét, dẫn dắt, giới thiệu bài mới:*** Trong cuộc sống hằng ngày hay trong học tập các em thường được tham gia vào các buổi trao đổi, thuyết trình. Vậy để các buổi trao đổi được chuyên nghiệp và hiệu quả hơn. Trong tiết học hôm nay chúng ta sẽ cùng rèn luyện kỹ năng để trao đổi một vấn đề | | |
| **HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH NÓI & NGHE: 30’**  ***1.Mục tiêu:*** HS xác định được mục đích nói và nghe. Chuẩn bị nội dung nói và luyện nói.HS nắm bắt được thông tin bài nói của các bạn, có thể đưa ra nhận xét, góp ý cho bạn.HS có kĩ năng, tự tin trình bày sản phẩm trước tập thể lớp.  ***- Phương pháp***: Thuyết trình; GQVĐ …  ***- Kĩ thuật***: Động não, thuyết trình…  ***2. Nội dung***: HS trình bày sản phẩm sau khi đã viết xong.  ***3. Sản phẩm của HS:*** Phần trình bày bằng ngôn ngữ nói, giọng điệu của HS.  ***4. Tổ chức thực hiện:*** | | |
| ***a. Giao nhiệm vụ:***  Phân biệt giữa việc nêu ý kiến về một hiện tượng đời sống xã hội với nêu ý kiến về một tác phẩm văn học.  - HS thực hiện câu hỏi  ***? Em hãy nêu điểm giống và khác nhau giữa việc nêu ý kiến về một hiện tượng đời sống xã hội với nêu ý kiến về tác phẩm văn học?***  ***Hs làm việc nhóm (bàn) qua phiếu học tập (2 p).***  ***Hoàn thành PHT***   |  |  | | --- | --- | | **Khác nhau** | | | **Ý kiến về 1 hiện tượng đời sống xã hội** | **Ý kiến về tác phẩm văn học** | |  |  | | **Giống nhau** | | |  | |   ***c. Yêu cầu HS báo cáo kết quả***  **-** HS trình bày cá nhân.  - H lần lượt trình bày(Ưu tiên các em xung phong)  - Các HS khác nhận xét.  ***d. GV nhận xét, chốt kiến thức*** | ***b.Thực hiện nhiệm vụ:***  - HS suy nghĩ độc lập  - HS trả lời các câu hỏi. H khác nhận xét.  - H trình bày  -Nghe, đánh giá sản phẩm | **I. ĐỊNH HƯỚNG(CHUẨN BỊ)**  **Phiếu học tập số 1** |
| **Sản phẩm dự kiến**   |  |  | | --- | --- | | **Khác nhau** | | | **Ý kiến về 1 hiện tượng đời sống xã hội** | **Ý kiến về tác phẩm văn học** | | Là trình bày ý kiến về các hiện tượng đời sống như: thế nào là lễ phép, nói lời cám ơn xin lỗi khi nào… Dùng lý lẽ, bằng chứng thực tế để làm sáng tỏ. | Là trình bày ý hiểu của em sau khi học, đọc xong tác phẩm ấy. Dùng bằng chứng là những lời thơ, lời văn trong tác phẩm để làm sáng rõ một đặc điểm nổi bật về nghệ thuật hoặc nội dung của tác phẩm. | | **Giống nhau** | | | Đều cùng phải đưa ra lý lẽ và bằng chứng để làm sáng rõ một vấn đề, làm cho người nghe, người đọc hiểu được vấn đề. | | | | |
| ***a. Giao nhiệm vụ:*** Sử dụng PHT số 1   * Các bước XD bài nói? * Thực hành nói & nghe * GV đưa Bảng kiểm( H tự KTĐG) * GV đưa Rubric để H đánh giá lẫn nhau   ***c. Yêu cầu HS báo cáo kết quả***  **-** HS trình bày cá nhân.  - H lần lượt trình bày(Ưu tiên các em xung phong)  - Các HS khác nhận xét.  ***d. GV nhận xét, chốt kiến thức*** | ***b.Thực hiện nhiệm vụ:***  - HS suy nghĩ độc lập  (Dự kiến H gặp khó khăn: G đưa các câu hỏi phụ để gợi ý)  - HS trả lời các câu hỏi. H khác nhận xét.  -Nghe, đánh giá sản phẩm | **II.**  **THỰC HÀNH NÓI & NGHE**  **Bài tập:** *Trong các bài thơ “Mẹ” (Đỗ Trung Lai), “Ông đồ” (Vũ Đình Liên), “Tiếng gà trưa” (Xuân Quỳnh), em thích nhất bài thơ nào? Vì sao?*  **1.Các bước xây dựng bài nói**  **2.H thực hành nói & nghe**  **3. Kiểm tra đánh giá**   * **Sử dụng PHT số 2,3** |
| **Sản phẩm mong đợi(Dự kiến): PHT số 1**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **THỰC HÀNH NÓI &NGHE** | | | | **a. Chuẩn bị** | **b. Lập dàn ý** | **c. Nói &nghe** | | *- Xem lại nội dung đọc hiểu bài thơ Tiếng gà trưa – Xuân Quỳnh*  *- Xác định những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ.*  ***+ Nội dung:***  *++Cảm xúc của cháu …*  ***+ Nghệ thuật:***  *++ Thể thơ … chữ với cách diễn đạt tình cảm tự nhiên.*  *++ Hình ảnh thơ giản dị, chân thực.*  *++ Sử dụng linh hoạt các biện pháp tu từ: điệp ngữ, ẩn dụ chuyển đổi cảm giác,..* | ***- Tìm ý cho bài nói bằng cách đặt và trả lời các câu hỏi sau:***  *+ Trong bài thơ, em thích hoặc ấn tượng với điều gì nhất?*  *+ Điều đó đã được thể hiện ở những yếu tố nào?*  *+ Vì sao em thích hoặc ấn tượng với điều đó?*  ***- Lập dàn ý cho bài nói bằng cách lựa chọn, sắp xếp các ý theo bố cục ba phần:***  ***MĐ:*** *Nêu điều em thích hoặc ấn tượng nhất ở bài thơ.*  ***TĐ:*** *Nêu ý kiến cụ thể của em về các biện pháp tu từ đặc sắc đã xác định ở phần mở đầu.*  **KĐ:** *Khẳng định lại ý kiến của bản thân.* | **Người nói**  Nêu lên ý kiến của mình trước nhóm hoặc lớp - Trình bày bằng lời, tránh viết thành văn dễ đọc; sử dụng điệu bộ, cử chỉ và các phương tiện hỗ trợ phù hợp; thực hiện đúng thời gian dự kiến.  - Chú ý điều chỉnh giọng điệu, cách trình bày; quan sát thái độ, lắng nghe ý kiến phản hồi của người nghe.  - Có thể trả lời câu hỏi của người nghe sau khi trình bày xong hoặc kết hợp trả lời từng phần trong khi trình bày.  **Người nghe**  Tập trung theo dõi và nắm được thông tin từ người nói; ghi chép các ý chính và các điểm chưa rõ cần hỏi lại. | | **d. Kiểm tra và sửa chữa**  **Người nói**  - Đối chiếu với dàn ý để xem xét nội dung ý kiến đã trình bày, cách dẫn dắt, các lí lẽ và bằng chứng.  - Rút kinh nghiệm về cách phát biểu: diễn đạt, ngôn ngữ, cử chỉ, thái độ,...  - Xem xét lại nội dung, cách thức trả lời câu hỏi và ý kiến trao đổi với các bạn.  **Người nghe**  - Hiểu đúng và tóm tắt được các thông tin từ người nói bằng văn bản.  - Tập trung chú ý theo dõi người nói; thể hiện sự mạnh dạn, cầu thị và thái độ hòa nhã, lịch sự khi trao đổi với người nói. | | | | | |
| * **Phiếu học tập số 2: BẢNG KIỂM(TỰ KIỂM TRA KĨ NĂNG NÓI &NGHE); RUBRIC**   \* **Bảng tự kiểm tra kĩ năng nói:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Nội dung kiểm tra** | **Mức độ** | | | **Đạt** | **CĐ** | | - Kể về vấn đề theo dàn ý. |  |  | | - Sử dụng những từ ngữ thể hiện được trình tự thời gian hoặc diễn biến của sự việc; những từ phù hợp để tả các chi tiết về sự vật, hành động;... |  |  | | - Nói rõ ràng, âm lượng phù hợp, kết hợp lời nói và cử chỉ, ánh mắt, điệu bộ, hình ảnh (nếu có sử dụng). Đảm bảo thời gian quy định. |  |  | | - Trả lời các câu hỏi của người nghe (nếu có). |  |  | | | |
| \* **Bảng tự kiểm tra kĩ năng nghe:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Nội dung kiểm tra** | **Mức độ** | | | **Đạt** | **CĐ** | | - Nắm và hiểu được nội dung chính của vấn đề mà bạn kể; |  |  | | - Đưa ra được những nhận xét được về ưu điểm, yếu tố sáng tạo trong lời kể của bạn hay điểm hạn chế của bạn. |  |  | | -Thái độ chú ý tôn trọng, nghiêm túc, động viên khi nghe bạn kể chuyện |  |  |   **\*Rubric đánh giá kĩ năng nói&nghe:** | | |
| **HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP: 5’**  ***1.Mục tiêu:*** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.  ***- Phương pháp***: Hợp tác; Nhóm, …  ***- Kĩ thuật***: Động não, tia chớp, bức tường,khăn trải bàn…  ***2. Nội dung***: HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao.  ***3. Sản phẩm của HS:*** Bài làm của học sinh.  ***4. Tổ chức thực hiện:*** | | |
| G đưa ra nhiệm vụ: Trình bày suy nghĩ của em về vấn đề mà em quan tâm | | |
| ***a. Giao nhiệm vụ:Làm việc cá nhân***  ***-*** Giới hạn: Trình bày ngắn gọn: 3’.  HS chỉ ra và nêu tác dụng của BPNT…  ***c. Yêu cầu HS báo cáo kết quả.***  - GV gọi một vài HS trình bày sản phẩm trước lớp.  - Nhận xét sản phẩm của bạn và góp ý cho bạn(nếu cần).  ***d. GV nhận xét, chốt kiến thức*** | ***b.Thực hiện nhiệm vụ:***  -HS nhớ lại, liệt kê các sự việc đã trở thành kỉ niệm đối với bản thân, lựa chọn và kể lại một kỉ niệm ấn tượng trong số đó.  - Chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  -Nghe, lưu sản phẩm. | **+ *Sản phẩm mong đợi(Dự kiến):*** |
| **HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG: 4’( BTVN)**  ***1. Mục tiêu:*** HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào bài học và thực tế.  **- Phương pháp:** Hợp tác, Giải quyết vấn đề...  **- Kĩ thuật:** Khăn trải bàn.  ***2. Nội dung:*** HS làm việc cá nhân, đưa ra suy nghĩ của bản thân về một vấn đề GV đặt ra.  ***3. Sản phẩm học tập:*** Sản phẩm của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).  ***4. Tổ chức thực hiện:*** | | |
| GV đưa ra nhiệm vụ: 1. Trình bày cảm xúc sau khi đọc, học bài/ đoạn thơ sáu , bảy chữ?  2. Trình bày suy nghĩ của em về một vấn đề trong cuộc sống. | | |
| a. ***Giao nhiệm vụ:***  - H làm bài tập  - Trao đổi với bạn…  ***c. Yêu cầu HS báo cáo kết quả.***  **GV**: Hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm.  **HS**: Nộp sản phẩm cho GV qua zalo của cô giáo.  ***d. GV nhận xét, đánh giá.*** | ***b. Thực hiện nhiệm vụ.***  **-** HS làm việc cá nhân và hoàn thiện nhiệm vụ .  - Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ.  -Lưu sản phẩm. | ***Sản phẩm mong đợi(Dự kiến):***  Phần bài tập hoàn thành của HS |
| Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà:1’.  1. Tiếp tục tìm hiểu đặc điểm thơ bốn chữ, năm chữ qua việc thực hành làm thơ bốn chữ, năm chữ theo đề tài tự chọn.  2. Đọc sách báo, truy cập internet, tìm hiểu và sưu tầm các bài ca dao hoặc bài thơ hay viết về đề tài gia đình theo thể thơ bốn chữ, năm chữ.  3. Chuẩn bị : **TỰ ĐÁNH GIÁ** | | |

**Ngày soạn: 19/10/2024**

**Ngày soạn: 23/10/2024 (7D)**

**Tiết 28:**

**BÀI 2. THƠ BỐN CHỮ, NĂM CHỮ**

**TỰ ĐÁNH GIÁ**

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

***1. Năng lực***

- Đọc kĩ bài thơ “Một mình trong mưa”

- Vận dụng kiến thức đã học để trả lời các câu hỏi trắc nghiệm và tự luận trong bài.

- Dùng cảm nhận của mình để tạo lập đoạn văn về bài thơ.

- Tự đánh giá được khả năng tiếp thu kiến thức của mình về khả năng đọc hiểu và tạo lập văn bản sau khi học xong phần thơ bốn chữ, năm chữ.

*a.Năng lực chung:*

***-****Năng lực tự chủ và tự học*: sự tự tin và tinh thần lạc quan trong học tập và đời sống, khả năng suy ngẫm về bản thân, tự nhận thức, tự học và tự điều chỉnh để hoàn thiện bản thân.

-*Năng lực giao tiếp và hợp tác*: thảo luận, lập luận, phản hồi, đánh giá về các vấn đề trong học tập và đời sống; phát triển khả năng làm việc nhóm, làm tăng hiệu quả hợp tác.

*-Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo*: biết đánh giá vấn đề, tình huống dưới những góc nhìn khác nhau.

***b.*** *Năng lực đặc thù:*

***-*** *Năng lực ngôn ngữ(Đọc, viết, nói & nghe)* Biết vận dụng kiến thức cơ bản từ việc đọc hiểu cùng với những trải nghiệm và khả năng suy luận của bản thân để hiểu văn bản;Trình bày dễ hiểu các ý tưởng ; có thái độ tự tin khi nói; kể lại mạch lạc câu chuyện; biết chia sẻ ý tưởng khi thảo luận ý kiến về bài học.Viết được các đoạn văn, bài văn với những phương thức biểu đạt khác nhau.

*- Năng lực văn học(thẩm mỹ)*: Trình bày được cảm nhận và tác động của tác phẩm đối với bản thân. Vận dụng suy nghĩ và hành động hướng thiện. Biết sống tốt đẹp hơn.

***2. Phẩm chất chủ yếu:***

- Chăm chỉ: HS có ý thức tìm hiểu, vận dụng lí thuyết đã học vào việc làm bài tự đánh giá.

- Trách nhiệm: tìm hiểu, học hỏi, rút kinh nghiệm, hành động có trách nhiệm với chính mình, có trách nhiệm với đất nước, dân tộc để sống hòa hợp với môi trường.

- Nhân ái: Bồi dưỡng tình yêu với mẹ của mình.

- Trung thực trong khi tự đánh giá khả năng đọc hiểu về thể thơ 4 chữ, 5 chữ.

**II. CHUẨN BỊ**

**1.GV:** SGK, GA WORD, …

**2**. **HS**: Soạn bài theo hướng dẫn SGK

**3. PP &KTDH:**

- PP: Thuyết trình, hợp tác, nhóm, trò chơi…

- KT: Đặt câu hỏi; Đọc hợp tác(đọc tích cực), KWL; Mảnh ghép...

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Sản phẩm mong đợi(Dự kiến)** |
| **HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG:5’**  **1. Mục tiêu:** HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học, có hứng thú tiếp thu bài mới.  - Phương pháp tích cực: Nêu vấn đề  - Kĩ thuật: Động não, tia chớp.  **2. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **3. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.  **4. Tổ chức thực hiện:** | | |
| Câu hỏi sẻ chia:  - Em đã được đọc, được học hay biết những bài thơ 4 chữ, 5 chữ nào?.  **-** Cảm nhận, cảm xúc của em sau khi học, đọc xong 1 trong số các bài thơ đó? | | |
| ***+ Giao nhiệm vụ****:* Suy nghĩ trả lời  ***+ Yêu cầu HS báo cáo kết quả.*** | +***Thực hiện nhiệm vụ.***  Làm việc các nhân  - Chia sẻ trước lớp; nhận xét, bổ sung.  - Lắng nghe. | - HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học.  - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới. |
| ***+ GV nhận xét, dẫn dắt, giới thiệu bài mới:***  Các em thân mến! Vậy là chúng ta đã cùng tìm hiểu xong các kĩ năng: đọc, viết, nói và nghe trong bài 2 của môn Ngữ văn 7 về thơ 4 chữ, 5 chữ. Qua bài học này chúng ta có thể vận dụng những kiến thức đó để tự đánh giá về khả năng tiếp thu bài học của mình bằng những câu hỏi trong bài đọc “Một mình trong mưa”.  Từ đó các em sẽ tự rút ra kinh nghiệm khi học những bài sau sao cho có hiệu quả hơn. | | |
| **HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ KIẾN THỨC: 40’**  ***1.Mục tiêu:*** Đọc và tiến hành tự đánh giá qua các câu hỏi bên dưới bài “Một mình trong mưa”  ***- Phương pháp***: Hợp tác; GQVĐ; Trò chơi…  ***- Kĩ thuật***: Động não, tia chớp, bức tường,khăn trải bàn…  ***2. Nội dung***: Làm việc cá nhân, thảo luận nhóm để hoàn thành phiếu học tập.  ***3. Sản phẩm của HS:*** Câu trả lời cá nhân, phiếu học tập đã hoàn thiện của các nhóm.  ***4. Tổ chức thực hiện:*** | | |
| ***+ Giao nhiệm vụ: Cá nhân***  - Đọc văn bản “Một mình trong mưa”  - Trả lời các câu hỏi trắc nghiệm từ 1-9.  - Suy nghĩ câu hỏi viết đoạn văn số 10.  ***+ Yêu cầu HS báo cáo kết quả.***    ***+ GV nhận xét, chốt kiến thức***  GV mời một số HS lên chia sẻ trước lớp**.** Nhận xét, góp ý và khen ngợi HS về sự tự tin khi trình bày. | ***+Thực hiện nhiệm vụ:***  - H suy nghĩ cá nhân, hoàn thành nội dung của câu hỏi  - HS chia sẻ trước lớp; các hs khác nhận xét, phản biện.  -Nghe, lưu sản phẩm. |  |
| **Trắc nghiệm**   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | | Đáp án | **B** | **C** | **C** | **A** | **A** | **D** | **B** | **C** | **D** |   **Tự luận**  **Câu 10.** Viết một đoạn văn (khoảng 6 – 8 dòng) nêu cảm xúc của em sau khi đọc bài thơ “Một mình trong mưa”***.***  ***GỢI Ý:***  (1) Bài thơ “Một mình trong mưa” với hình ảnh con cò lặn lội gợi cho em liên tưởng tới những người mẹ tảo tần vất vả nuôi con, chăm lo cho gia đình. Trong các khổ thơ, em đặc biệt ấn tượng với khổ thơ thứ ba, khổ thơ khắc họa thành công hình ảnh người phụ nữ cô đơn lặn lội giữa bập bùng mưa gió, không ngại khó không ngại khổ, miệt mài bươn chải vì con, vì chồng. Qua đây, em lại càng thêm trân trọng và yêu thương những người chị, người mẹ, người bà. Em tự nhủ sẽ cố gắng học hành thật tốt để không phụ lòng mẹ mong mỏi, chăm lo.  (2) Ca ngợi người mẹ có vô vàn lời thơ lời văn còn đồng cảm chia sẻ với nỗi cực khổ vất vả của mẹ thì lại ít người nhắc tới. Đồng cảm với nỗi vất vả cực nhọc của người mẹ, Đỗ Bạch Mai đã viết lên bài thơ Một mình trong mưa. Xuyên suốt bài thơ là hình ảnh cò vất vả, chịu thương chịu khó, thương con, hi sinh vì con. Khắc họa hình ảnh thân cò vất vả tác giả sử dụng các biện pháp đối lập: ngang- dọc, trên- dưới, xa-gần và biện pháp điệp từ “đồng”. Cò bươn trải hết đồng gần rồi đồng xa, hết đồng trên lại xuống đồng dưới để mưu sinh. Trong công cuộc mưu sinh đó những mong cò đừng sai đường lạc lối, đừng mệt mỏi để che chở bảo vệ đứa con bơ vơ tội nghiệp của mình thông qua biện pháp điệp cấu trúc “cò đừng+…”. Qua đó chúng ta thấy được sự đau đớn, xót xa của tác giả trước sự vất vả ngược xuôi của cò, hay chính là hình ảnh người mẹ. Không chỉ khắc họa hình ảnh cò lam lũ vất vả mà tác giả còn khắc họa hình ảnh cò cô đơn thông qua biện pháp điệp câu “một mình một lối/ một mình trog mưa”. Hai câu thơ được nhắc đi nhắc lại 2 lần càng nhấn mạnh sự đơn độc của cò hay của chính người mẹ. Mượn hình ảnh cò để nói về mẹ, nói về sự vất vả, cực nhọc, cô đơn lẻ loi của người mẹ, tác giả muốn thể hiện sự đồng cảm, chia sẻ với tất cả người làm mẹ luôn luôn hi sinh vì con. | | |
| ***- GV có thể sử dụng bài tự đánh giá để làm bài đánh giá thường xuyên cho HS*** |  |  |
| **HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**  **1.** Ghi hoặc lưu lại một số thông tin mà em cho là hữu ích để hiểu hơn về các tác giả, tác phẩm đã học ở Bài 2 từ nhiều nguồn khác nhau (Internet, sách, báo,...).**.**  **2.** Đọc thêm một số bài thơ bốn chữ, năm chữ có cùng đề tài hoặc chủ đề với các bài thơ đã học ở Bài 2. Với mỗi bài thơ đó, hãy ghi lại ngắn gọn điều mà em thích hoặc ấn tượng nhất. | | |

**Dặn dò**

- Về nhà đọc kĩ các bài thơ, xác định được các đặc điểm của thơ có trong từng bài thơ.

- Ôn tập chuẩn bị kiểm tra giữa kì I

- Soạn bài: “Bạch tuộc”

+ Đọc phần kiến thức Ngữ văn, xác định đặc điểm của truyện Khoa học viễn tưởng

+ Đọc kĩ văn bản, tìm hiểu các câu hỏi có trong bài.